

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~1470~~ /UBND-NC

Bình Phước, ngày 22 tháng 7 năm 2024

V/v nghiên cứu giải pháp, kinh nghiệm
trong triển khai Đề án 06 và khảo sát theo
05 nhóm vấn đề điểm nghẽn cần tháo gỡ

Kính gửi:

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh;
- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Công văn số 2551/TCTTKĐA ngày 01/4/2024 của Tổ công tác triển khai Đề án 06 Chính phủ về việc nghiên cứu giải pháp, tổng hợp kinh nghiệm trong triển khai Đề án 06/CP;

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các nội dung sau:

1. Việc sử dụng kinh phí đầu tư, thuê dịch vụ công nghệ thông tin để triển khai Đề án 06

Các sở, ban, ngành, địa phương trong tỉnh, nhất là các đơn vị: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung nghiên cứu kinh nghiệm của UBND Thành phố Hà Nội và UBND Thành phố Hồ Chí Minh trong sử dụng kinh phí đầu tư, thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong triển khai Đề án 06 để chủ động tham mưu bố trí kinh phí, nguồn lực đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ các quy định hiện hành theo Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn (có Phụ lục 01 kèm theo).

2. Tiến hành khảo sát Bộ danh mục câu hỏi theo 5 nhóm vấn đề “Pháp lý, hạ tầng công nghệ, dữ liệu, an ninh an toàn bảo mật, nguồn lực triển khai” trong Chuyển đổi số và Đề án 06

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng các nhóm nhiệm vụ triển khai Đề án 06 tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình; trên cơ sở khuyến nghị của Tổ công tác triển khai Đề án 06/CP để chủ động báo cáo, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo, đồng thời tổ chức khắc phục hạn chế, triển khai thực hiện ngay các nhiệm vụ Đề án 06 một cách hiệu quả, xuyên suốt, đảm bảo đúng nguyên tắc “5-4-3-2-1”¹.

2.1. Văn phòng UBND tỉnh chủ trì khảo sát, đánh giá và tham mưu các giải pháp đảm bảo nhóm nhiệm vụ về “pháp lý” (liên quan đến kiểm soát thủ tục

¹ (5) Phải có lộ trình hoàn thiện 05 nhóm “Pháp lý, hạ tầng công nghệ, dữ liệu, an ninh an toàn bảo mật, nguồn lực triển khai”; (4) phải thực hiện xuyên suốt theo 04 cấp “Bộ, tỉnh, huyện, xã”; (3) tạo ra 03 tiện ích “Văn minh xã hội, phát triển kinh tế và phòng, chống tội phạm”; (2) để triển khai thành công phải có “nhận thức đúng và giải pháp sáng tạo”; (1) “Người đứng đầu” các đơn vị phải quyết tâm, quyết liệt trong công tác chỉ đạo điều hành.

hành chính).

2.2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì khảo sát, đánh giá và tham mưu các giải pháp đảm bảo 03 nhóm nhiệm vụ về “hạ tầng, an ninh an toàn, dữ liệu”.

2.3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư khảo sát, đánh giá và tham mưu các giải pháp đảm bảo nguồn lực (*liên quan đến kinh phí, ngân sách*); Sở Nội vụ chủ trì khảo sát, đánh giá và tham mưu các giải pháp đảm bảo nguồn lực (*liên quan đến con người*).

Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát tiến độ thực hiện các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ được giao (*có Phụ lục 02 và biểu khảo sát kèm theo*), tập hợp kết quả (*nếu có*) gửi báo cáo lần đầu về Tổ công tác triển khai Đề án 06 tỉnh (*qua Công an tỉnh*) trước **ngày 24/4/2024**, sau đó báo cáo định kỳ bổ sung kết quả rà soát hoặc đề xuất kiến nghị để sắp xếp lịch làm việc với các đơn vị, địa phương để giải quyết làm rõ các vấn đề, các điểm nghẽn vào **thứ 4 hàng tuần**.

2.4. Giao Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh căn cứ Bộ danh mục câu hỏi, biểu khảo sát để rà soát, đề xuất làm việc đôn đốc các sở, ngành triển khai các nhiệm vụ và tổng hợp kết quả, báo cáo đề xuất giải quyết các điểm nghẽn, các công việc cần triển khai để thúc đẩy tiến độ Đề án 06/CP, đồng thời gửi về UBND tỉnh, Tổ Công tác triển khai Đề án 06/CP vào **thứ 5 hàng tuần** theo quy định.

3. Đối với việc nghiên cứu 17 nhiệm vụ trọng tâm do Tổ công tác triển khai Đề án 06/CP Trung ương đề ra nhằm thúc đẩy việc triển khai các tiện ích trên địa bàn Thành phố Hà Nội

Giao Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, đề xuất UBND tỉnh, Tổ Công tác triển khai Đề án 06 tỉnh lựa chọn, chỉ đạo triển khai thực hiện tại địa bàn, đảm bảo phù hợp với thực tiễn, góp phần thúc đẩy việc triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh (*có Phụ lục 03 kèm theo*). Hoàn thành trước ngày **26/4/2024** và thường xuyên kiểm đếm tiến độ, kịp thời xử lý các nhiệm vụ phát sinh thường xuyên.

4. Giao Công an tỉnh chủ trì theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện của các đơn vị; tổng hợp các vấn đề vướng mắc, khó khăn phát sinh (*nếu có*) trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Đề án 06 báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

(*Kèm theo: Công văn số 2551/TCTTKĐA ngày 01/4/2024 của Tổ công tác triển khai Đề án 06/CP*)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục C06 - Bộ Công an;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, các phòng, ban, trung tâm;
- Lưu: VT, TH42-CV.



Trần Tuệ Hiền

**TỔ CÔNG TÁC TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN
PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG DỮ LIỆU VỀ DÂN
CƯ, ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2551/TCTTKĐA

Hà Nội, ngày 1 tháng 4 năm 2024

V/v nghiên cứu giải pháp, tổng hợp kinh
nghiệm trong triển khai Đề án 06/CP

Kính gửi: Đồng chí Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố,
Tổ trưởng Tổ Công tác triển khai Đề án 06/CP cấp tỉnh.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang tại Thông báo số 96/TB-VPCP ngày 13/3/2024 về các nội dung thúc đẩy thực hiện Đề án 06/CP¹; căn cứ kết quả theo dõi, tập hợp việc triển khai các nhiệm vụ thực hiện Đề án của các địa phương, có nơi còn lúng túng, chưa nhận diện được giải pháp cần làm dẫn đến kết quả không có định lượng; còn tư duy “chờ” các Bộ, Ngành. Bên cạnh đó, qua theo dõi ban hành Kế hoạch triển khai Đề án 06/CP trong năm 2024 của các địa phương đã xác định được các nhiệm vụ trong năm 2024 nhưng chưa chi tiết “*rõ người, rõ việc, rõ thời gian*” theo hướng dẫn của Tổ công tác Đề án 06/CP². *Nguy cơ*, không triển khai theo đúng lộ trình, không đảm bảo theo các nhiệm vụ Đề án 06 của Chính phủ năm 2024.

Để hỗ trợ các địa phương nhận diện, thực hiện các nhiệm vụ, Thư ký Tổ Công tác đã nghiên cứu, tổng hợp kinh nghiệm trong triển khai Đề án 06 và kính đề nghị đồng chí Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Tổ trưởng Tổ Công tác Đề án 06 cấp tỉnh như sau:

1. Về tài liệu nghiên cứu, tổng hợp

(1) Kinh nghiệm của UBND TP Hà Nội và UBND TP Hồ Chí Minh về sử dụng kinh phí trong đầu tư, thuê dịch vụ công nghệ thông tin để triển khai Đề án 06 (*Phụ lục 01 kèm theo*).

(2) Bộ danh mục câu hỏi cho 5 nhóm “*Pháp lý, hạ tầng công nghệ, dữ liệu, an ninh an toàn bảo mật, nguồn lực triển khai*”, đảm bảo nguyên tắc “*5-4-3-2-1*” để triển khai Đề án 06/CP một cách hiệu quả, xuyên suốt, cụ thể:

+ Phải có lộ trình hoàn thiện 05 nhóm “*Pháp lý, hạ tầng công nghệ, dữ liệu, an ninh an toàn bảo mật, nguồn lực triển khai*”.

+ Phải thực hiện xuyên suốt 04 cấp “*Bộ, tỉnh, huyện, xã*”.

¹ Trong đó, đồng chí Phó Thủ tướng giao Bộ Công an “*Tổng hợp kinh nghiệm thúc đẩy chuyển đổi số của UBND thành phố Hà Nội và UBND thành phố Hồ Chí Minh, sử dụng kinh phí trong đầu tư, thuê dịch vụ công nghệ thông tin, ban hành văn bản gửi các bộ, ngành, địa phương để tham khảo, triển khai Đề án 06 tại đơn vị, thời gian hoàn thành trong tháng 3/2024*”.

² Công văn 1939/TCTTKĐA, ngày 12/3/2024 của Tổ Công tác ĐA06/CP về xây dựng Kế hoạch triển khai nhiệm vụ ĐA06 năm 2024 và những năm tiếp theo.

+ Tạo ra 03 tiện ích “*Văn minh xã hội; phát triển kinh tế và phòng, chống tội phạm*”.

+ Để triển khai thành công phải nhận thức đúng và có giải pháp sáng tạo.

+ Người đứng đầu các đơn vị phải quyết tâm, quyết liệt trong công tác chỉ đạo, điều hành (Phụ lục 02 kèm theo).

(3) 17 nhiệm vụ trọng tâm do Tổ công tác Đề án 06/CP thúc đẩy trên địa bàn TP Hà Nội (*từng nhiệm vụ xác định bước đi, trách nhiệm của các đơn vị liên quan*). Trong đó, tập trung đổi mới với nhóm giải pháp miễn giảm lệ phí trong thanh toán dịch vụ công trực tuyến “0 đồng” (*Giá trị mang lại: Người dân không cần tài khoản ngân hàng, Ví điện tử do không phải trả phí, Cơ quan nhà nước không phải đầu tư cho việc cài đặt Ví, tài khoản ngân hàng và giải pháp công nghệ cho việc hoàn trả*) - Phụ lục 03 kèm theo.

2. Căn cứ tài liệu nghiên cứu, tổng hợp đề xuất đồng chí Chủ tịch UBND, Tổ trưởng Tổ Công tác Đề án 06 cấp tỉnh:

(1) Chỉ đạo bộ phận chức năng nghiên cứu, tham khảo, đề xuất triển khai tại địa phương. Trong quá trình triển khai có vấn đề cần trao đổi, tổng hợp, gửi về Thư ký Tổ Công tác Đề án 06/CP (*qua Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư, C06: đ/c Thượng tá Nguyễn Thành Vĩnh, Giám đốc Trung tâm, SĐT: 086.826.0888; đ/c Đại úy Nguyễn Sỹ Thái, Cán bộ Trung tâm, SĐT: 097.9169.811*).

(2) Giao cơ quan thường trực (*Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Công an tỉnh*) căn cứ bộ danh mục câu hỏi để rà soát, đề xuất làm việc đôn đốc các sở ngành triển khai các nhiệm vụ và tập hợp kết quả gửi về Thư ký Tổ Công tác Đề án 06/CP vào **thứ 5 hàng tuần** để tổng hợp, báo cáo Tổ công tác Chính phủ.

Thư ký Tổ công tác trân trọng cảm ơn sự quan tâm, phối hợp của các Đồng chí.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đe Bộ trưởng Bộ Công an, Tổ trưởng TCTTKĐA 06/CP (để báo cáo);
- Đ/c Thượng tướng Nguyễn Duy Ngọc – Thứ trưởng BCA, Tổ phó TTTCTTKĐA 06/CP (để báo cáo);
- Văn phòng Bộ Công an (để theo dõi);
- Công an các địa phương;
(Để phối hợp tham mưu thực hiện);
- Lưu: VT, TCT (C06-TTDLDC).



THƯ KÝ TỔ CÔNG TÁC
PHÓ CỤC TRƯỞNG
CỤC CẢNH SÁT QLHC VỀ TTXH
Đại tá Vũ Văn Tấn

KINH NGHIỆM CỦA UBND TP HÀ NỘI VÀ UBND TP HỒ CHÍ MINH VỀ SỬ DỤNG KINH PHÍ TRONG ĐẦU TƯ, THUÊ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
(Kèm theo Công văn số /TCTTKĐA, ngày tháng 3 năm 2024)

1. Việc triển khai chuyển đổi số và Đề án 06 phải thống nhất nguyên tắc:

- Bám sát với chỉ đạo, chủ trương của Trung ương, các văn bản quy phạm và các hướng dẫn của các Bộ, Ngành.
- Quan điểm và mục tiêu triển khai chuyển đổi số, Đề án 06: *Lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, vừa là mục tiêu, đối tượng phục vụ, vừa là chủ thể tham gia tích cực* vào quá trình chuyển đổi số, kết quả đạt được phải Thực chất – Hiệu quả.

2. Thực hiện phân cấp mạnh mẽ

Thành phố Hà Nội đã xây dựng và triển khai thực hiện Đề án phân cấp, ủy quyền đến cấp cơ sở trên địa bàn Thành phố theo đúng quan điểm của Nghị quyết số 04/NQ-CP của Chính phủ về việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước: “...*Gắn việc phân định thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cấp, các ngành với đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm việc nào, cấp nào sát thực tế hơn, giải quyết kịp thời và phục vụ tốt hơn các yêu cầu của tổ chức và người dân thì giao cho cấp đó thực hiện...*”, đảm bảo đồng bộ giữa phân cấp quản lý kinh tế xã hội, phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công, ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính với phân cấp quản lý cán bộ, công chức và phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách, trong đó xác định rõ kinh phí bố trí cho triển khai công nghệ thông tin tại nội bộ các cơ quan nhà nước Thành phố được thực hiện như sau:

- Ngân sách thành phố đảm bảo chi cho hệ thống hạ tầng và các ứng dụng dùng chung của Thành phố (*mạng WAN 3 cấp, các hệ thống nền tảng như DC, LGSP, SOC, ..., các hệ thống dùng chung như Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Quản lý văn bản,...*)

- Đối với khối Sở, ban, ngành: Đảm bảo hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại nội bộ cơ quan, đơn vị sử dụng **nguồn vốn UBND Thành phố bố trí từ kinh phí chi thường xuyên**;

- Đối với UBND các quận, huyện, thị xã: Theo phân cấp về nguồn thu, nhiệm vụ chi thực hiện đảm bảo các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại nội bộ cơ quan đơn vị sử dụng **nguồn vốn ngân sách quận, huyện, thị xã**.

2. Về trình tự thủ tục bố trí kinh phí mua sắm phục vụ triển khai Đề án 06 sử dụng ngân sách chi thường xuyên

Nhằm thực hiện triển khai đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ triển khai Đề án 06, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông Thành phố chủ trì phối hợp với Công an Thành phố, Sở Tài chính Thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức rà soát nhu cầu máy tính, trang thiết bị phục vụ Đề án 06 trên địa bàn, trong đó:

(1) Công an Thành phố và các đơn vị có liên quan chủ động rà soát, tổng hợp đề xuất nhu cầu trang thiết bị cần đầu tư, nâng cấp, mua sắm theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông Thành phố, các Cục nghiệp vụ của Bộ Công an về cấu hình thiết bị phục vụ Đề án 06.

(2) Sở Thông tin và Truyền thông Thành phố có ý kiến về yêu cầu kỹ thuật, thống nhất nhu cầu.

(3) Văn phòng UBND Thành phố tổng hợp, tham mưu đề xuất xin chủ trương của UBND Thành phố và có văn bản gửi Sở Tài chính Thành phố để hướng dẫn các đơn vị sau khi được UBND Thành phố thuận duyệt.

(4) Sở Tài chính tham mưu đề xuất, bố trí kinh phí và hướng dẫn cho các đơn vị thực hiện với nguồn kinh phí chi thường xuyên của Thành phố.

3. Công tác tổ chức triển khai vừa bám sát chủ trương, chỉ đạo của Trung ương nhưng vừa linh hoạt, sáng tạo trong cách thức tổ chức của Thành phố Hà Nội

- Thành phố Hà Nội đã hợp nhất 3 Ban Chỉ đạo cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án 06 để thống nhất trong công tác chỉ đạo, thống nhất mục tiêu, chỉ tiêu và lộ trình thực hiện, đảm bảo không chồng chéo.

- Rà soát, đề xuất chính sách với mục tiêu tạo thuận lợi tối đa cho người dân đồng thời tạo động lực để chuyển đổi số mạnh mẽ, cụ thể: Hà Nội địa phương đầu tiên báo cáo và trình Hội đồng nhân dân Thành phố ***ban hành Nghị quyết số 07/NQ-HĐND, ngày 04/7/2023 quy định khi doanh nghiệp, người dân có nhu cầu đối với 82 thủ tục hành chính sẽ có mức thu bằng “không” đến hết ngày 31/12/2025. Dự kiến Ngân sách không thu sẽ hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khoảng 37 tỷ đồng/năm khi thực hiện.*** Với việc triển khai giải pháp này sẽ giúp người dân không cần tài khoản ngân hàng khi thực hiện dịch vụ công; cơ quan Nhà nước giải quyết được vấn đề về hoàn phí đối với các dịch vụ công không thực hiện được. Các dịch vụ công sẽ được triển khai toàn trình.

- Việc xây dựng Kế hoạch phải đồng bộ với xây dựng dự toán, bảo đảm khi Kế hoạch được ban hành thì các đơn vị đã được giao dự toán để tổ chức triển khai thực hiện. Nhiệm vụ được giao cho đơn vị phù hợp chức năng nhiệm vụ, chuyên môn của đơn vị để tránh phát sinh khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai, trong đó, thống nhất nguyên tắc đơn vị chủ trì về nghiệp vụ, lĩnh vực quản lý sẽ được giao chủ trì triển khai các HTTT/CSDL bảo đảm đúng quy định, chủ trương của Chính phủ, hướng dẫn của các ngành và thống nhất chỉ đạo trên toàn Thành phố theo ngành, lĩnh vực.

- Tổ công tác thúc đẩy Chuyển đổi số do đồng chí Phó chủ tịch Thành phố Hà Nội trực tiếp làm tổ trưởng hoạt động hiệu quả, kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai. Đối với các nhiệm vụ khó, Tổ công tác hợp liên ngành, trao đổi ngay trong các nhóm công tác dưới các hình thức như họp trực tuyến, nhóm online để tập trung triển khai, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh.

4. Quy trình đầu tư tuân thủ các quy định hiện hành: Thành phố Hà Nội tổ chức triển khai đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về theo Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách và các Nghị định hướng dẫn có liên quan trong đó có một số nội dung cần lưu ý đó là:

(1) Tại Thông báo 3307/TB-TTKQH ngày 18/01/2024 của Tổng Thư ký Quốc hội thông báo Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giải thích quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công, trong đó Ủy ban Thường vụ

Quốc hội khẳng định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các luật có liên quan khác không có quy định nào cấm sử dụng chi thường xuyên để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm tài sản; mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc.

(2) Tại Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công: “Điều 53. Hiệu lực thi hành quy định: 3. Bãi bỏ quy định tại khoản 2 Điều 6, Điều 46, Điều 47 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; 4. Đối với các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, quyết định đầu tư và tổ chức quản lý thực hiện theo quy định của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.”

(3) Tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP đã quy định: “Điều 1. Phạm vi điều chỉnh: 1. Nghị định này quy định quản lý các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sau đây: a) Dự án ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước; b) Các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước.”. Tại các điều các Điều 52, 53, 54, 55, 56 cũng đã quy định chi tiết quản lý thực hiện hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước

(4) Cùng với đó, thực tế triển khai cho thấy thuê dịch vụ Công nghệ thông tin có các ưu điểm:

- Quy trình thực hiện hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước theo Nghị định số 73/2019/NĐ-CP “đơn giản” hơn so với quy trình thực hiện dự án đầu tư Công nghệ thông tin, do vậy, hạn chế được tồn tại do thời gian triển khai dự án Công nghệ thông tin mất nhiều thời gian, dự án khi đưa vào sử dụng thì công nghệ đã lạc hậu. Thuê dịch vụ công nghệ thông tin bảo đảm công nghệ được cập nhật; sau khi hết thời gian thuê không phải xử lý tài sản còn lại;

- Nguồn lực ngân sách triển khai thuê dịch vụ ban đầu không lớn do thời gian thuê dịch vụ công nghệ thông tin trải dài nhiều năm ***nên để sắp xếp nguồn vốn ngân sách để triển khai thực hiện***, sản phẩm khi bàn giao lại cho bên thuê sau khi kết thúc thời gian thuê theo hợp đồng, sản phẩm bên thuê nhận được bảo đảm chất lượng, hiệu quả và phù hợp yêu cầu thực tế. Từ thời điểm kết thúc thời gian thuê dịch vụ dịch vụ công nghệ thông tin xây dựng sản phẩm bên thuê hàng năm chỉ ***phải trả phí duy trì, vận hành hệ thống rất ít và chỉ phải thuê thêm dịch vụ khi có thay đổi về quy trình nghiệp vụ và có sự thay đổi về cơ chế chính sách***.

- Việc lựa chọn hình thức thuê dịch vụ Công nghệ thông tin: Phù hợp trong trường hợp còn hạn chế về đội ngũ cán bộ chuyên trách dịch vụ công nghệ thông tin hiện nay nhất là ở cấp xã, cấp huyện. Hệ thống phần mềm ứng dụng sẽ nhanh chóng được cập nhật, điều chỉnh, nâng cấp đáp ứng được các nhu cầu khai thác, sử dụng thực tế của các cơ quan, đơn vị cũng như đảm bảo đáp ứng được với

những thay đổi về các quy định, chính sách, biểu mẫu, bên cạnh đó cũng rất thuận lợi cho phát triển, mở rộng hệ thống khi có yêu cầu chỉnh sửa.

- Trường hợp các dịch vụ công nghệ thông tin có sẵn trên thị trường các giải pháp công nghệ của các nhà cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin đã được kiểm chứng trên nhiều khách hàng, do đó sản phẩm, dịch vụ luôn được nhà cung cấp cải tiến, nâng cấp. Cơ quan, tổ chức thuê dịch vụ luôn được tiếp cận với những sản phẩm, dịch vụ hiện đại. Do đó, Thành phố nhận thấy việc tổ chức triển khai, thực hiện ứng dụng dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên mang lại nhiều thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện, các quy định tại Nghị định 73/2019/NĐ-CP của Chính phủ tương đối đầy đủ và cụ thể, trong đó:

+ Đối với thuê dịch vụ dịch vụ công nghệ thông tin do Thành phố sử dụng nguồn thường xuyên nên thực hiện tuân thủ theo Nghị định 73/2019/NĐ-CP (các điều 52, 53, 54, 55, 56). Tuy nhiên, trong trường hợp này chủ trì thuê dịch vụ cần xác định rõ hình thức thuê dịch vụ có sẵn/không có sẵn để xây dựng dự toán kinh phí cho phù hợp;

+ Đối với các hoạt động đầu tư ứng dụng dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên: Thực hiện theo Điều 51 Nghị định 73/2019/NĐ-CP.

-> Trên cơ sở đó Thành phố Hà Nội thực hiện bố trí nguồn ngân sách chi thường xuyên để triển khai nhiệm vụ ứng dụng dịch vụ công nghệ thông tin thực hiện Đề án 06 như sau: Hàng năm, căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan; các đơn vị lập dự toán, gửi Sở Thông tin và Truyền thông rà soát, tổng hợp gửi Sở Tài chính tham mưu UBND Thành phố trình HĐND Thành phố bố trí kinh phí chi thường xuyên ngân sách cấp Thành phố để triển khai thực hiện theo quy định.

Để có căn cứ xây dựng dự toán và chủ động cân đối nguồn kinh phí thường xuyên để bố trí cho triển khai nhiệm vụ ứng dụng dịch vụ công nghệ thông tin thực hiện Đề án 06; việc tham mưu, xây dựng Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ ứng dụng dịch vụ công nghệ thông tin thực hiện Đề án 06 ***cần được tham mưu ban hành trước thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nước năm sau của Thành phố***. Mặt khác, để đảm bảo khả năng giải ngân kinh phí, tránh lãng phí nguồn vốn được bố trí; các nội dung trong Kế hoạch phải cụ thể, rõ đầu mối, rõ trách nhiệm, rõ yêu cầu kết quả và tiến độ, phù hợp chức năng nhiệm vụ, chuyên môn của từng đơn vị.

SƠ ĐỒ CÁC NHÓM NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN 06 PHÁT THỰC HIỆN NGAY
(HOÀN THÀNH TẤT CẢ CÁC HẠNG MỤC TRƯỚC 01/7/2024)

TAI LIEU 01

Thực hiện xuyên suốt theo nguyên tắc "5-4-3-2-1" đó là:
05 Nhóm "Hạ tầng, Pháp lý, An ninh an toàn, Nguồn lực, Dữ liệu"
04 Cấp "TĐ, Tỉnh, Huyện, Xã"
03 Lĩnh vực "Phát triển kinh tế xã hội, Phục vụ người dân, Phòng chống tội phạm"
02 Việc "nâng cao thực tiễn - giải pháp, cách làm đúng"
01 là trách nhiệm người đứng đầu

Hệ thống

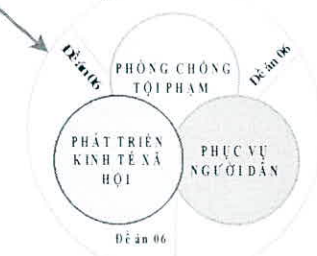
Phần mềm

Đường truyền

HẠ TẦNG

PHÁP LÝ

DỮ LIỆU



ANAT

NGUON LUC

Kinh phí, ngân sách

Con người

Pháp lý đơn giản hóa TTHC

Nghiên cứu tham khảo các chiến lược, văn bản của Bộ Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Chính phủ như: Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, ngày 8/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Nghị định 107/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/1028/NĐ-CP, ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư 01/2023/TT-VPCP ngày 5/4/2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

Pháp lý miễn giảm phí, lệ phí

1. HĐND TP Hà Nội ban hành Nghị quyết số 07/NQ-HĐND, ngày 04/7/2023 quy định khi doanh nghiệp, người dân có nhu cầu đối với 82 thủ tục hành chính sẽ có mức thu bằng "không" đến hết ngày 31/12/2025. Dự kiến Ngân sách không thu sẽ hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khoảng 37 tỷ đồng/năm khi thực hiện
2. Vì vậy 07 địa phương (An Giang, Cần Thơ, Đắk Nông, Kiên Giang, Sóc Trăng, Tây Ninh, TP Hồ Chí Minh) chưa tham mưu HĐND ban hành Nghị quyết cân nghiên cứu áp dụng thu phí không đồng của TP Hà Nội để giải quyết các bài toán cho người dân (không cần tại khoản ngân hàng khi thực hiện dịch vụ công); cơ quan Nhà nước giải quyết được vẫn để về hoàn phí đối với các dịch vụ công không thực hiện được. Các dịch vụ công sẽ được triển khai toàn tỉnh

Tổng hợp danh mục các TTHC có yêu cầu nộp, xuất trình đối với thành phần hồ sơ là Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú giấy hoặc có yêu cầu xuất trình giấy tờ, tài liệu xác nhận về cơ sở trong quá trình thực hiện các TTHC theo các quy định pháp luật hiện hành

Kiểm tra công vụ các cơ quan, đơn vị để quản triệt việc không sử dụng sổ hộ khẩu giấy trong khi giải quyết TTHC, tiến hành kiểm tra, rà soát, xử lý nghiêm nếu phát hiện được

VP UBND ban hành Quyết định phê duyệt danh mục các TTHC đáp ứng yêu cầu triển khai tại cầu trúc quy trình, cung cấp DVC trực tuyến toàn trình, một phần trong tiếp nhận, giải quyết TTHC trên môi trường điện tử

Toàn bộ các dữ liệu của công dân, doanh nghiệp được số hóa và được xác thực bằng chữ ký số của công dân, tổ chức, doanh nghiệp, lưu trữ trên kho dữ liệu của công dân, tổ chức, doanh nghiệp, cho phép công dân, doanh nghiệp được sử dụng lại các dữ liệu trên kho để thực hiện các TTHC

Xây dựng Kho quản lý dữ liệu điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và kết nối, chia sẻ dữ liệu với Công DVC quốc gia

Chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa các TTHC trên cơ sở sử dụng, xác thực, chia sẻ dữ liệu của CSDLQG về dân cư hoặc sử dụng định danh và xác thực điện tử thực hiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC

Đảm bảo các tính năng số hóa hồ sơ, giấy tờ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC

Công bố và công khai TTHC đơn giản hóa và được các cơ quan, đơn vị của tỉnh thực hiện đúng quy định

Triển khai bố trí kinh phí, nguồn lực thực hiện Đề án 06 theo các hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT

Xác định rõ nguồn chi từ ngân sách thường xuyên hay đầu tư

Rà soát đăng ký nhu cầu sử dụng ngân sách để triển khai, thực hiện Đề án 06, danh mục đầu tư mua sắm trang thiết bị ứng dụng CNTT phục vụ triển khai Chuyển đổi số và Đề án 06 (số lượng, thiết bị, giá trị)

Phải có danh mục đầu tư hạ tầng, mua sắm trang thiết bị, các khoản chi khác phục vụ cho việc triển khai Chuyển đổi số và Đề án 06

Rà soát cán bộ làm việc đáp ứng công nghệ thông tin

Rà soát, đánh giá và có lộ trình cắt giảm nguồn nhân lực khi chuyển đổi trạng thái từ thu công sang công nghệ

Xây dựng chương trình tập huấn, thực hành, trang bị, cập nhật kiến thức về an ninh an toàn trên MQOC

Đảm bảo bố trí đủ nhân lực CNTT phục vụ cho việc giải quyết TTHC và vận hành quản trị

Cán bộ công chức viên chức phải được đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT và kỹ năng đảm bảo ANAT dữ liệu

- Tổng kinh phí để xuất (Tổng kinh phí để xuất đối với các hệ thống)
Bố trí kinh phí cho hàng mục đầu tư
- Rà soát trang, thiết bị đầu cuối (Máy tính, máy in, máy scan, thiết bị đọc thẻ,...)
Rà soát các phần mềm triển khai chuyên đổi số - Đề án 06 (Hệ thống giải quyết TTHC)
- Kết nối với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC)
Xây dựng đơn vị giám sát ứng cứu, xử lý sự cố
- Đánh giá, rà soát các hệ thống: Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính, Kiosk - DVC, Chung thực điện tử; HOC, Camera AI, CSDL ngân hàng giao dịch và đào tạo; Phần mềm quản lý đất đai; Phần mềm an sinh xã hội; Phần mềm CSDL công chức, viên chức; Phần mềm Quản lý thi sát hạch; Hệ thống IOC, Hệ thống SOC
- Ban hành quy định, quy trình tài khoản khai thác API
Đề xuất đầu tư giai đoạn 2024-2025 (Cơ sở kiến đầu tư, nâng cấp, bổ sung)
- Rà soát các phần mềm triển khai chuyên đổi số - Đề án 06
(Hiện thực phần mềm, Quản lý mã nguồn, Số tương lai, khuôn đăng ký, tính năng dịch vụ phần mềm có liên thông dữ liệu, tiêu chuẩn xây dựng phần mềm, trường thông tin có sẵn dữ liệu, các tập tin yêu cầu)
- Đảm bảo tối 02 đường truyền Internet, chất lượng băng thông tại hệ thống, số kết nối cao nhất, đã kết nối với các hệ thống, mục đích sử dụng đường truyền
- Đảm bảo mạng Cpnnet tối thiểu 02 đường băng thông
- Đảm bảo mạng Truc VDXP, NDXP, khác kết nối với các hệ thống

Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, gắn việc số hóa với việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức trong quá trình giải quyết TTHC; không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC đã được số hóa của cơ quan nhà nước của Thành phố tại Bộ phận 1 của (Thực hiện thường xuyên)
(Cấp tỉnh từ 01/6/2022; Cấp Huyện từ 01/12/2022; Cấp Xã: 01/6/2023)

- Đơn vị phải ban hành danh mục các loại hồ sơ theo từng lĩnh vực để số hóa dữ liệu
- Tập trung hoàn thành số hóa các nguồn dữ liệu thiết yếu phục vụ giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp (hệ tịch, đất đai, lao động,...)
- Đánh giá tính toán việc tiết kiệm khi tận dụng, sử dụng từ kết quả số hóa dữ liệu
- Phải xây dựng kho dữ liệu lưu trữ tập trung, đảm bảo ANAT dữ liệu để phục vụ việc tận dụng kết quả số hóa vào việc cắt giảm TTHC
- Lưu trữ, bảo quản cẩn thận dữ liệu gốc phục vụ việc rà soát, xác minh làm sạch
- Phải đầu tư đầy đủ trang thiết bị, phần mềm (máy tính, máy scan, thiết bị lưu trữ, chữ ký số...) để phục vụ việc số hóa

- Xây dựng các phương án quản lý truy cập, quản trị hệ thống từ xa an toàn: truy cập giữa các vùng mạng và phòng chống xâm nhập; phòng chống tấn công mạng cho ứng dụng web; cân bằng tải, dự phòng nóng cho các thiết bị mạng chính; bảo đảm an toàn cho máy chủ có số dữ liệu; chặn lọc phần mềm độc hại trên môi trường mạng
- Xây dựng các phương án phòng chống tấn công từ chối dịch vụ; bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thư điện tử; quản lý truy cập lớp mạng; giám sát hệ thống thông tin tập trung; giám sát an toàn hệ thống thông tin tập trung; quản lý sao lưu dự phòng tập trung
- Xây dựng các phương án quản lý phần mềm phòng chống mã độc trên máy chủ/máy tính người sử dụng; phòng chống thất thoát dữ liệu; dự phòng kết nối mạng Internet cho các máy chủ dịch vụ; bảo đảm an toàn cho mạng không dây
- Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ theo quy định và thực hiện báo cáo kết quả
- Công tác điện tập tấn công, thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng
- Thành lập đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin

Cần có phương án đảm bảo an toàn, an ninh mạng theo CV 708 (nếu rõ thiết bị/giải pháp đang sử dụng, đầu tư/thuê năm nào, license (nếu có), sản phẩm mua hay giải pháp mã nguồn mở)

**PHỤ LỤC KHẢO SÁT TRIỂN KHAI CHUYỂN ĐỔI SỐ, ĐỀ ÁN 06 TẠI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
THEO 05 NHÓM “PHÁP LÝ – HẠ TẦNG – AN NINH AN TOÀN – DỮ LIỆU – NGUỒN LỰC”**

Thực hiện xuyên suốt theo nguyên tắc “5-4-3-2-1”, đó là:

- 05 nhóm “ pháp lý - hạ tầng - an ninh an toàn - dữ liệu - nguồn nhân lực”;
- 04 cấp “TW- Tỉnh – Huyện – Xã”;
- 03 tiện ích đem lại “Văn minh xã hội – Phát triển kinh tế - Phòng chống tội phạm”;
- 02 việc “nhận thức đúng – giải pháp, sáng tạo, đột phá phù hợp thực tiễn địa phương”;
- 01 trách nhiệm Người đứng đầu.

STT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ		KHUYẾN NGHỊ
		ĐÃ LÀM	CHƯA LÀM	
I	VỀ PHÁP LÝ			
1	Địa phương đã rà soát, tổng hợp danh mục các thủ tục hành chính có yêu cầu nộp, xuất trình đối với thành phần hồ sơ là Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú giấy hoặc có yêu cầu xuất trình giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính theo các quy định pháp luật hiện hành để kịp thời tổng hợp, báo cáo, kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung chưa? - Rà soát xác định được bao nhiêu TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền của Thành phố có thành phần hồ sơ là sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy phải nộp hoặc xuất trình khi thực hiện TTHC - Sau khi rà soát, UBND cấp tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành thực hiện các nội dung nhiệm vụ về rà soát, công bố, công khai, hướng dẫn việc thực hiện như thế nào? - Việc giao Sở nội vụ kiểm tra công vụ các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh để quán triệt việc không sử dụng sổ hộ khẩu giấy trong khi giải quyết TTHC; tiến hành kiểm tra, rà soát, xử lý nghiêm nếu phát hiện (theo chỉ đạo của Bộ Nội vụ tại Công văn số 1058/BNV-CCHC ngày 10/3/2023 về đẩy mạnh thực hiện thanh tra công vụ, đảm bảo thực hiện bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy trong giải quyết thủ tục hành chính) được triển khai như thế nào?			1. Pháp lý đơn giản hóa thủ tục hành chính (1) Nghiên cứu tham khảo các chiến lược, văn bản của Bộ Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Chính phủ như: Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, ngày 8/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Nghị định 107/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/1028/NĐ-CP, ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư 01/2023/TT-VPCP ngày 5/4/2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử. (2) Quyết định công bố TTHC phải ban hành chậm nhất trước 20 ngày tính từ ngày văn bản quy PPL có qua định TTHC có hiệu lực thi hành. 2. Đẩy mạnh rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất các cấp có thẩm quyền bãi bỏ TTHC, quy định không cần thiết làm phát sinh chi phí tuân thủ, nhất là của người dân, doanh nghiệp tại các văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt là pháp luật chuyên ngành. Tăng cường phân cấp, ủy quyền. Thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa 20% TTHC nội bộ, tổ chức thực thi phương án đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, phương án phân cấp trong giải quyết TTHC đã được CP, TTg phê duyệt. Tăng cường công khai, minh bạch trong thực hiện TTHC, bảo đảm 100% hồ sơ TTHC phải được cập nhật, công khai, theo dõi, đánh giá trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ và đồng bộ với Cổng DVCQG; 3. Rà soát, xây dựng, nâng cao số lượng và chất lượng dịch vụ trực tuyến trên cơ sở tái cấu trúc quy trình theo hướng lấy người dùng làm trung tâm, trong đó: (1) phải chỉ rõ những quy trình thủ tục thuộc thẩm quyền của Bộ cần sửa đổi, thay thế; (2) những quy trình thủ tục giấy tờ đề nghị Chính phủ xem xét sửa đổi, đơn giản hóa hoặc bãi bỏ phù hợp với môi trường điện tử (giảm tiền kiểm và tăng cường hậu kiểm trên hệ thống thông tin). 4. Pháp lý miễn giảm phí lệ phí HĐND TP Hà Nội ban hành Nghị quyết số 07/NQ-HĐND, ngày 04/7/2023 quy định khi doanh nghiệp, người dân có nhu cầu đối với 82 thủ tục hành chính sẽ có mức thu bằng “không” đến hết ngày 31/12/2025. Dự kiến Ngân sách không thu sẽ hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khoảng 37 tỷ đồng/năm khi thực hiện. Vì vậy 07 địa phương chưa tham mưu HĐND ban hành Nghị quyết cần nghiên cứu áp dụng thu phí không đồng của TP Hà nội để giải quyết các bài toán cho người dân (không cần tài khoản ngân hàng khi thực hiện dịch vụ công); cơ quan Nhà nước giải quyết được vấn đề về hoàn phí đối với các dịch vụ công không thực hiện được. Các dịch vụ công sẽ được triển khai toàn trình.
2	Việc chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa các TTHC trên cơ sở sử dụng, xác thực, chia sẻ dữ liệu của CSDLQG về dân cư hoặc sử dụng định danh và xác thực điện tử thực hiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: + UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số phê duyệt danh mục các TTHC đáp ứng yêu cầu triển khai tái cấu trúc quy trình, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trong tiếp nhận, giải quyết TTHC trên môi trường điện tử của tỉnh chưa? + Bao nhiêu TTHC đáp ứng yêu cầu triển khai tái cấu trúc, xây dựng dịch vụ công trực tuyến một phần? + Bao nhiêu TTHC đáp ứng yêu cầu triển khai tái cấu trúc, xây dựng dịch vụ công trực tuyến toàn trình? + UBND tỉnh đã ban hành bao nhiêu văn bản phê duyệt phương án đơn giản hóa các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở ngành: Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Xây dựng, Văn hóa và Thể thao, LĐTBXH, Du lịch, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Nội vụ. + Bao nhiêu TTHC đơn giản hóa được công bố và công khai và được các cơ quan, đơn vị của tỉnh thực hiện đúng quy định			

STT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ		KHUYẾN NGHỊ
		ĐÃ LÀM	CHƯA LÀM	
3	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã đảm bảo các tính năng số hóa hồ sơ, giấy tờ chưa			5. Kiện toàn Bộ phận Một cửa, theo đó đưa oàn bộ TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của Bộ ra tiếp nhận giải quyết tại Bộ phận Một cửa
4	Toàn bộ các dữ liệu của công dân, doanh nghiệp bao gồm thành phần hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC đã được số hóa và được xác thực bằng chữ ký số của công dân, tổ chức, doanh nghiệp chưa? lưu trữ trên kho dữ liệu của công dân, tổ chức, doanh nghiệp, cho phép công dân, doanh nghiệp được sử dụng lại các dữ liệu trên kho để thực hiện các TTHC lần sau triển khai như thế nào			
5	Việc xây dựng Kho quản lý dữ liệu điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia đã triển khai chưa? Thời gian hoàn thành.			
6	Đã Cung cấp đầy đủ thcs có yêu cầu nghĩa vụ tài chính trên cổng dvc quốc gia chưa?			
II	DỰ LIỆU			
1	Về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, gắn việc số hóa với việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức trong quá trình giải quyết TTHC; không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC đã được số hóa. Vấn đề số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP đạt mục tiêu số hóa toàn bộ kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực của các cơ quan nhà nước của Thành phố được tiến hành như thế nào, kết quả đạt được của các sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã			Ngoài việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo hướng dẫn tại Thông tư 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ thì đề nghị: 1. Đơn vị phải ban hành danh mục các loại hồ sơ theo từng lĩnh vực để số hóa dữ liệu. 2. Phải đầu tư đầy đủ trang thiết bị, phần mềm (máy tính, máy scan, thiết bị lưu trữ, chữ ký số...) để phục vụ việc số hóa. 3. Tập trung hoàn thành số hóa các nguồn dữ liệu thiết yếu phục vụ giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp (hộ tịch, đất đai, lao động, y tế, giáo dục, công chức viên chức, du lịch, xây dựng,...) 4. Đảm bảo nguồn nhân lực thực hiện việc số hóa dữ liệu. 5. Phải xây dựng kho dữ liệu lưu trữ tập trung, đảm bảo an ninh an toàn về mặt dữ liệu để phục vụ việc sử dụng, tận dụng kết quả số hóa vào việc cắt giảm thủ tục hành chính cho người dân. 6. Dữ liệu số hóa phải được rà soát, làm sạch với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. 7. Lưu trữ, bảo quản cẩn thận dữ liệu gốc phục vụ việc rà soát, xác minh làm sạch. 8. Đánh giá tính toán việc tiết kiệm khi tận dụng, sử dụng từ kết quả số hóa dữ liệu.
	Đã cập nhật toàn bộ quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của bộ/tỉnh theo đúng quy định tại Điều 17 ND 61/2018/ND-CP			
2	Đã ban hành danh mục cần số hóa chưa?			
3	Việc tạo lập dữ liệu dùng chung tại đơn vị như thế nào?			
4	Đã hoàn thành việc số hóa dữ liệu hộ tịch chưa?			
5	Đã hoàn thành việc số hóa dữ liệu lao động chưa?			
6	Đã hoàn thành việc số hóa dữ liệu ASXH chưa?			
7	Đã hoàn thành việc số hóa dữ liệu đất đai chưa?			
8	Đã hoàn thành việc số hóa dữ liệu CBCC theo phạm vi nhiệm vụ của Đề án của Bộ Nội vụ chưa?			
9	Ngoài 03 dữ liệu hộ tịch, lao động, đất đai đã được số hóa, đơn vị còn số hóa dữ liệu nào khác?			
10	Với các loại dữ liệu đã được số hóa thì có được cập nhật, rà soát, làm sạch thường xuyên không? Đã sử dụng, tận dụng, tái sử dụng kết quả số hóa đã được lưu trữ, tập trung và được người dân, cơ quan, tổ chức sử dụng như thế nào? Cắt giảm được gì?			
11	Đơn vị đã có kho dữ liệu lưu trữ chưa? Đang đề đầu? (doanh nghiệp hay cơ quan nào quản lý)?			
12	Vấn đề về đảm bảo an ninh, rà quét cho kho dữ liệu này đã đảm bảo chưa?			
13	Thiết bị phục vụ số hóa dữ liệu đảm bảo chưa? (máy tính, máy scan, máy chủ, phần mềm, chữ ký số, thiết bị lưu trữ...)			
14	Các loại hồ sơ, sổ sách, giấy tờ sau khi số hóa thì lưu trữ bảo quản như thế nào?			
15	Các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện ?			
16	Trên cơ sở phương án tái cấu trúc quy trình, cơ quan, đơn vị chủ trì rà soát, tính toán chi phí tiết kiệm trên cơ sở các nội dung đã được cắt giảm, đơn giản hóa theo quy định về kiểm soát thủ tục hành chính như thế nào?			

STT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ		KHUYẾN NGHỊ
		ĐÃ LÀM	CHƯA LÀM	
III	AN NINH AN TOÀN, BẢO MẬT			
1	Đã đánh giá, rà soát các hệ thống: Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính; Kiosk - DVC; Chứng thực điện tử; HOC; Camera AI; CSDL ngành Giáo dục và đào tạo; Phần mềm quản lý đất đai; Phần mềm an sinh xã hội; Phần mềm Cơ sở dữ liệu công chức, viên chức; Phần mềm Quản lý thi sát hạch; Hệ thống IOC; Hệ thống SOC chưa?			Cần có phương án đảm bảo an toàn, an ninh mạng theo Công văn 708/BTTTT-KHTC ngày 07/3/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông (nếu rõ thiết bị/giải pháp đang sử dụng, đầu tư/thuê năm nào, license (nếu có), sản phẩm mua hay giải pháp mã nguồn mở)
2	Đối với hồ sơ đề xuất cấp độ của các hệ thống nêu trên đã được phê duyệt chưa? Quyết định số bao nhiêu? (Ví dụ: Được phê duyệt tại Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 01/01/2024 Hoặc chưa được phê duyệt, đang trình thẩm định..)			
3	Phương án quản lý truy cập, quản trị hệ thống từ xa an toàn			Thực hiện theo Tiêu chí 01 của công văn 708/BTTTT-CATTT cụ thể: 1. Đối với hệ thống thông tin cấp độ 3 có xử lý thông tin bí mật nhà nước hoặc hệ thống thông tin quy định tại điểm c khoản 2 Điều 9 Nghị định 85/2016/NĐ-CP yêu cầu Hệ thống sử dụng Sản phẩm VPN. 2. Các hệ thống thông tin cấp độ 3 có loại hình khác có thể sử dụng chức năng VPN được tích hợp trên tường lửa. 3. Sản phẩm/chức năng VPN tích hợp trên Thiết bị Tường lửa phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu sau: - Thiết lập cấu hình bảo mật cho Sản phẩm/chức năng VPN tích hợp trên Thiết bị Tường lửa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu an toàn theo phương án được phê duyệt trong HSDXCĐ. - Minh chứng Sản phẩm/chức năng VPN tích hợp trên Thiết bị Tường lửa được cấu hình trên Hệ thống thực.
4	Phương án quản lý truy cập giữa các vùng mạng và phòng chống xâm nhập			Thực hiện theo Tiêu chí 02 của công văn 708/BTTTT-CATTT cụ thể: 1. Đối với hệ thống thông tin cấp độ 3 có thể sử dụng Tường lửa tích hợp chức năng phòng, chống xâm nhập hoặc sử dụng Sản phẩm phòng, chống xâm nhập chuyên dụng. 2. Sản phẩm/Tường lửa tích hợp chức năng phòng, chống xâm nhập phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu sau: - Thiết lập cấu hình bảo mật cho Sản phẩm/Tường lửa tích hợp chức năng phòng, chống xâm nhập đáp ứng đầy đủ các yêu cầu an toàn theo phương án được phê duyệt trong HSDXCĐ. - Minh chứng Sản phẩm/Tường lửa tích hợp chức năng phòng, chống xâm nhập được cấu hình để giám sát, bảo vệ đầy đủ các vùng mạng trong hệ thống được thuyết minh trong HSDXCĐ.
5	Phương án phòng chống tấn công mạng cho ứng dụng web			Thực hiện theo Tiêu chí 03 của công văn 708/BTTTT-CATTT cụ thể: 1. Đối với các hệ thống thông tin cấp độ 3 được quy định tại khoản 2, Điều 9 Nghị định 85/2016/NĐ-CP Yêu cầu sử dụng Sản phẩm Tường lửa ứng dụng web. Sản phẩm Tường lửa ứng dụng web phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu sau: - Thiết lập cấu hình bảo mật cho Sản phẩm Tường lửa ứng dụng web đáp ứng đầy đủ các yêu cầu an toàn theo phương án được phê duyệt trong HSDXCĐ. - Tường lửa ứng dụng web được cấu hình để bảo vệ đầy đủ các ứng dụng được thuyết minh trong HSDXCĐ. 2. Đối với các hệ thống cấp độ 3 không yêu cầu bắt buộc sử dụng Sản phẩm Tường lửa ứng dụng web thì có phương án đáp ứng các yêu cầu tối thiểu sau: - Không để máy chủ ứng dụng web lộ mặt trực tiếp ngoài Internet mà phải thông qua Máy chủ đại diện (Reverse proxy) và có kiểm soát truy cập và phòng chống xâm nhập giữa máy chủ đại diện và máy chủ ứng dụng web. - Thiết lập cấu hình tăng cường bảo mật cho máy chủ Reverse proxy, cài đặt phần mềm phòng, chống phần mềm độc hại.

STT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ		KHUYẾN NGHỊ
		ĐÃ LÀM	CHƯA LÀM	
				- Thiết lập cấu hình tường lửa trên máy chủ Reverse proxy. - Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin cho máy chủ Reverse proxy..
6	Phương án cân bằng tải, dự phòng nóng cho các thiết bị mạng chính			Thực hiện theo Tiêu chí 04 của công văn 708/BTTTT-CATTT cụ thể: 1. Đối với hệ thống thông tin cấp độ 3 yêu cầu các thiết bị mạng chính trong hệ thống đều có thiết bị dự phòng nóng và cấu hình để thực hiện chức năng cân bằng tải, dự phòng nóng cho nhau. Các thiết bị mạng chính tối thiểu bao gồm: Thiết bị chuyển mạch trung tâm hoặc tương đương; Thiết bị tường lửa trung tâm; Tường lửa ứng dụng web; Hệ thống lưu trữ tập trung, Tường lửa cơ sở dữ liệu (nếu có). (Đối với Hệ thống lưu trữ tập trung yêu cầu thiết bị chuyển mạch được trang bị theo cặp. Thiết bị lưu trữ phải được phân tách 02 vùng logic độc lập) 2. Có sơ đồ thiết kế vật lý để minh chứng các thiết bị có thiết bị dự phòng. 3. Có cấu hình của các thiết bị mạng chính để chứng minh chức năng cân bằng tải và dự phòng nóng.
7	Phương án bảo đảm an toàn cho máy chủ cơ sở dữ liệu			Thực hiện theo Tiêu chí 05 của công văn 708/BTTTT-CATTT cụ thể: 1. Đối với hệ thống thông tin cấp độ 3 là hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung, đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định 85/2016/NĐ-CP. Yêu cầu sử dụng Sản phẩm Tường lửa cơ sở dữ liệu hoặc Sản phẩm bảo vệ cơ sở dữ liệu. Sản phẩm Tường lửa cơ sở dữ liệu hoặc Sản phẩm bảo vệ cơ sở dữ liệu phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu sau: - Thiết lập cấu hình bảo mật cho Sản phẩm Tường lửa cơ sở dữ liệu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu an toàn theo phương án được phê duyệt trong HSDXCD. - Tường lửa cơ sở dữ liệu được cấu hình để bảo vệ đầy đủ các cơ sở dữ liệu được thuyết minh trong HSDXCD. 2. Đối với các hệ thống thông tin cấp độ 3 không yêu cầu bắt buộc sử dụng Sản phẩm Tường lửa cơ sở dữ liệu thì có phương án đáp ứng các yêu cầu tối thiểu sau: - Có tài liệu minh chứng và kiểm tra trực tiếp trên hệ thống việc thiết lập cấu hình tường lửa Hệ điều hành máy chủ cơ sở dữ liệu để quản lý truy cập giữa các máy chủ trong cùng một vùng mạng. - Có tài liệu minh chứng và kiểm tra trực tiếp trên hệ thống việc thực hiện cấu hình tăng cường bảo mật cho Hệ điều hành và Cơ sở dữ liệu. - Có tài liệu minh chứng và kiểm tra trực tiếp trên hệ thống việc thiết lập cấu hình hệ thống để toàn bộ hoạt động liên quan đến CSDL được quản lý trên Hệ thống Quản lý và phân tích sự kiện an toàn thông tin – SIEM. - Có tài liệu minh chứng và kiểm tra trực tiếp trên hệ thống việc thiết lập cấu hình hệ thống để định kỳ tự động thực hiện sao lưu dự phòng cơ sở dữ liệu trên hệ thống lưu trữ độc lập. - Có tài liệu minh chứng và kiểm tra trực tiếp trên hệ thống việc thiết lập cấu hình hệ thống để kiểm soát truy cập cơ sở dữ liệu được sao lưu dự phòng trên hệ thống lưu trữ độc lập.
8	Phương án chặn lọc phần mềm độc hại trên môi trường mạng			Thực hiện theo Tiêu chí 06 của công văn 708/BTTTT-CATTT cụ thể: 1. Đối với hệ thống thông tin cấp độ 3 sử dụng Sản phẩm Tường lửa lớp mạng có tích hợp chức năng phòng, chống mã độc trên môi trường mạng. Tường lửa lớp mạng có tích hợp chức năng phòng, chống mã độc trên môi trường mạng phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu sau: Minh chứng chức năng phòng, chống mã độc trên môi trường mạng được cấu hình để giám sát, bảo vệ đầy đủ các vùng mạng trong hệ thống được thuyết minh trong HSDXCD.

STT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ		KHUYẾN NGHỊ
		ĐÃ LÀM	CHƯA LÀM	
				2. Đối với các hệ thống thông tin cấp độ 3 không sử dụng Sản phẩm Tường lửa lớp mạng có tích hợp chức năng phòng, chống mã độc trên môi trường mạng thì có phương án đáp ứng các yêu cầu tối thiểu sau: - Sử dụng Sản phẩm phòng, chống xâm nhập có tích hợp chức năng phòng, chống mã độc trên môi trường mạng. - Sử dụng các giải pháp khác (nếu có) cho phép phát hiện kết nối từ các máy trong mạng đến các địa chỉ độc hại, phát hiện truy vấn tên miền độc hại và các dấu hiệu mã độc mà có thể được phát hiện thông qua phân tích gói tin trên mạng.
9	Phương án phòng chống tấn công từ chối dịch vụ			Thực hiện theo Tiêu chí 07 của công văn 708/BTTTT-CATTT cụ thể: 1. Đối với các hệ thống thông tin cấp độ 3 là hệ thống Trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, hệ thống Định danh, xác thực điện tử, chứng thực điện tử, chữ ký số và hệ thống Kết nối tích hợp, chia sẻ dữ liệu, đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định 85/2016/NĐ-CP Yêu cầu sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp hoặc Sản phẩm Phòng, chống tấn công từ chối dịch vụ. Dịch vụ của doanh nghiệp hoặc Sản phẩm Phòng, chống tấn công từ chối dịch vụ phải đáp ứng một trong hai yêu cầu sau: - Trường hợp sử dụng dịch vụ, yêu cầu có hợp đồng cung cấp dịch vụ. - Trường hợp sử dụng Sản phẩm Phòng, chống tấn công từ chối dịch vụ, yêu cầu minh chứng chức năng Phòng, chống tấn công từ chối dịch vụ được cấu hình để bảo vệ hệ thống. 2. Đối với các hệ thống thông tin cấp độ 3 không yêu cầu bắt buộc sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp hoặc Sản phẩm Phòng, chống tấn công từ chối dịch vụ thì có phương án đáp ứng các yêu cầu tối thiểu sau: - Sử dụng chức năng phòng, chống tấn công từ chối dịch vụ được tích hợp trên các thiết bị bảo mật. - Có cam kết của tối thiểu 01 nhà cung cấp dịch vụ về việc hỗ trợ xử lý tấn công từ chối dịch vụ khi hệ thống bị tấn công.
10	Phương án bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thư điện tử			Thực hiện theo Tiêu chí 08 của công văn 708/BTTTT-CATTT cụ thể: 1. Đối với hệ thống Thư điện tử cấp độ 3, đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định 85/2016/NĐ-CP. Yêu cầu sử dụng Sản phẩm Bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thư điện tử. Sản phẩm Bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thư điện tử phải đáp ứng tối thiểu yêu cầu sau: Thiết lập cấu hình bảo mật cho Sản phẩm Bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thư điện tử đáp ứng đầy đủ các yêu cầu an toàn theo phương án được phê duyệt trong HSDXCD. 2. Đối với các Hệ thống thư điện tử cấp độ 3 khác không yêu cầu bắt buộc sử dụng Sản phẩm Bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thư điện tử thì có phương án đáp ứng các yêu cầu tối thiểu sau: - Có tài liệu minh chứng và kiểm tra trực tiếp trên hệ thống việc thiết lập cấu hình tường lửa Hệ điều hành máy chủ thư điện tử để quản lý truy cập giữa các máy chủ trong cùng một vùng mạng. - Có tài liệu minh chứng và kiểm tra trực tiếp trên hệ thống việc thực hiện cấu hình tăng cường bảo mật cho Hệ điều hành máy chủ và ứng dụng thư điện tử..
11	Phương án quản lý truy cập lớp mạng			Thực hiện theo Tiêu chí 09 của công văn 708/BTTTT-CATTT cụ thể: 1. Đối với hệ thống thông tin cấp độ 3 là hệ thống Mạng nội bộ, Trung tâm giám sát điều hành an toàn thông tin mạng, đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định 85/2016/NĐ-CP.

STT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ		KHUYẾN NGHỊ
		ĐÃ LÀM	CHƯA LÀM	
				Yêu cầu sử dụng Sản phẩm Quản lý truy cập lớp mạng. Sản phẩm Quản lý truy cập lớp mạng phải đáp ứng tối thiểu yêu cầu sau: Thiết lập cấu hình bảo mật cho Sản phẩm Quản lý truy cập lớp mạng đáp ứng đầy đủ các yêu cầu an toàn theo phương án được phê duyệt trong HSDXCĐ. 2. Đối với các hệ thống thông tin cấp độ 3 không yêu cầu bắt buộc sử dụng Sản phẩm Quản lý truy cập lớp mạng thì có phương án đáp ứng các yêu cầu tối thiểu sau: - Thiết lập cấu hình bảo mật trên thiết bị chuyển mạch lớp 2 cho phép phát hiện và quản lý truy cập mạng lớp 2 đối với các thiết bị kết nối vào hệ thống. - Thiết lập cấu hình nhật ký hệ thống trên thiết bị lớp 2 để quản lý được thông tin kết nối của các thiết bị vào hệ thống trên hệ thống Quản lý và phân tích sự kiện an toàn thông tin – SIEM.
12	Phương án giám sát hệ thống thông tin tập trung			Thực hiện theo Tiêu chí 10 của công văn 708/BTTTT-CATTT cụ thể: 1. Đối với các hệ thống thông tin cấp độ 3, yêu cầu phương án sử dụng giám sát được trạng thái hoạt động của toàn bộ thiết bị, máy chủ và ứng dụng được thuyết minh trong HSDXCĐ. 2. Trạng thái giám sát tối thiểu bao gồm các thông tin hiệu năng của CPU, RAM, Storage và các giao diện mạng.
13	Phương án giám sát an toàn hệ thống thông tin tập trung			Thực hiện theo Tiêu chí 11 của công văn 708/BTTTT-CATTT cụ thể: 1. Đối với các hệ thống thông tin cấp độ 3 sử dụng Sản phẩm Quản lý và phân tích sự kiện an toàn thông tin. Yêu cầu đối với Sản phẩm Quản lý và phân tích sự kiện an toàn thông tin đáp ứng các yêu cầu tối thiểu sau: - Thiết lập cấu hình bảo mật cho Sản phẩm Quản lý và phân tích sự kiện an toàn thông tin đáp ứng đầy đủ các yêu cầu an toàn theo phương án được phê duyệt trong HSDXCĐ. - Quản lý và phân tích sự kiện an toàn thông tin của toàn bộ thiết bị, máy chủ và ứng dụng được thuyết minh trong HSDXCĐ. 2. Đối với các hệ thống thông tin cấp độ 3 sử dụng Sản phẩm tương đương đáp ứng tối thiểu các yêu cầu sau: - Có chức năng quản trị: Chức năng phân tích tương quan (Correlation); Chức năng lọc (Filters), Tạo các luật (Rules), Chức năng hiển thị (Dashboards), Chức năng cảnh báo và báo cáo (Alerts and Reports), Chức năng cảnh báo thời gian thực (Real Time Alert). - Có chức năng nhận log: Cho phép nhận log từ các nguồn với nhiều định dạng khác nhau từ các thiết bị mạng, máy chủ và ứng dụng; định dạng, chuẩn hóa log nhận được theo các trường thông tin tùy biến theo nhu cầu sử dụng.
14	Phương án quản lý sao lưu dự phòng tập trung			Thực hiện theo Tiêu chí 12 của công văn 708/BTTTT-CATTT cụ thể: Đối với các hệ thống thông tin cấp độ 3, yêu cầu hệ thống có hệ thống lưu trữ và Sản phẩm để phục vụ việc quản lý lưu trữ tập trung. Yêu cầu đối với Sản phẩm quản lý lưu trữ tập trung đáp ứng các yêu cầu tối thiểu sau: - Tối thiểu các dữ liệu sau yêu cầu được lưu trữ trên hệ thống quản lý tập trung: Ảnh hệ điều hành của các máy chủ trong hệ thống, tệp tin cấu hình các thiết bị hệ thống, cơ sở dữ liệu và dữ liệu nghiệp vụ (nếu có). - Dữ liệu phải được sao lưu, dự phòng tối thiểu trên 02 thiết bị vật lý lưu trữ khác nhau.
15	Phương án quản lý phần mềm phòng chống mã độc trên máy chủ/máy tính người sử dụng			Thực hiện theo Tiêu chí 13 của công văn 708/BTTTT-CATTT cụ thể: 1. Đối với các hệ thống thông tin cấp độ 3, yêu cầu hệ thống sử dụng Sản phẩm Phòng, chống mã độc và/hoặc Sản phẩm Phát hiện và phản ứng sự cố an toàn thông tin trên thiết bị đầu cuối. Yêu cầu đối với Sản phẩm Phòng, chống mã độc và/hoặc Sản phẩm Phát hiện và phản ứng sự cố an toàn thông tin trên thiết bị đầu cuối phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu sau: - Có chức năng quản lý tập trung.

STT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ		KHUYẾN NGHỊ
		ĐÃ LÀM	CHƯA LÀM	
				- Minh chứng toàn bộ các máy chủ, máy trạm trong hệ thống được cài đặt Sản phẩm và được quản lý trên hệ thống quản lý tập trung.
16	Phương án phòng chống thất thoát dữ liệu			Thực hiện theo Tiêu chí 14 của công văn 708/BTTTT-CATTT cụ thể: 1. Đối với hệ thống thông tin cấp độ 3 có xử lý thông tin bí mật nhà nước hoặc hệ thống thông tin quy định tại điểm c khoản 2 Điều 9 Nghị định 85/2016/NĐ-CP. Yêu cầu sử dụng Sản phẩm Phòng, chống thất thoát dữ liệu. Bảo đảm tối thiểu các máy chủ cơ sở dữ liệu, máy tính quản trị cơ sở dữ liệu, máy tính phục vụ hoạt động nghiệp vụ xử lý dữ liệu được triển khai các giải pháp phòng, chống thất thoát dữ liệu. 2. Đối với các hệ thống thông tin cấp độ 3 không yêu cầu bắt buộc sử dụng Sản phẩm Phòng, chống thất thoát dữ liệu thì có phương án đáp ứng các yêu cầu tối thiểu sau: - Sử dụng chức năng phòng, chống thất thoát dữ liệu được tích hợp trên thiết bị/sản phẩm bảo mật sử dụng trong hệ thống (nếu có). - Có tài liệu minh chứng và kiểm tra trực tiếp trên hệ thống việc thiết lập cấu hình tường lửa Hệ điều hành máy chủ cơ sở dữ liệu để quản lý truy cập giữa các máy chủ trong cùng một vùng mạng. - Có tài liệu minh chứng và kiểm tra trực tiếp trên hệ thống việc thực hiện cấu hình tăng cường bảo mật cho Hệ điều hành và Cơ sở dữ liệu. - Có tài liệu minh chứng và kiểm tra trực tiếp trên hệ thống việc thực hiện cấu hình tăng cường bảo mật cho các máy tính quản trị cơ sở dữ liệu, máy tính phục vụ hoạt động nghiệp vụ xử lý dữ liệu.
17	Phương án dự phòng kết nối mạng Internet cho các máy chủ dịch vụ			Thực hiện theo Tiêu chí 15 của công văn 708/BTTTT-CATTT cụ thể: Yêu cầu có kết nối dự phòng. Hệ thống duy trì tối thiểu 02 kết nối mạng Internet từ các ISP sử dụng hạ tầng kết nối trong nước khác nhau.
18	Phương án bảo đảm an toàn cho mạng không dây			Thực hiện theo Tiêu chí 16 của công văn 708/BTTTT-CATTT cụ thể: Sử dụng giải pháp bảo đảm an toàn cho mạng không dây theo phương án thuyết minh trong HSDXCD.
19	Đối với Lực lượng chuyên trách về an toàn thông tin: Đã thành lập đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin chưa? Theo quyết định nào? Tổng số nhân sự (Ví dụ: Đã thành lập đơn vị chuyên trách về ATTT theo quyết định số 01/QĐ-STTTT ngày 01/01/2024. Tổng số nhân sự: 10 người)			
20	Đơn vị giám sát ứng cứu, xử lý sự cố: Tự tổ chức triển khai, hay thuê doanh nghiệp. Có quyết định, quy định về công tác giám sát, ứng cứu sự cố chưa? Nếu chi tiết (Ví dụ: Thuê đơn vị doanh nghiệp tại hợp đồng số 01/HĐ-UBND-VNPT về việc tổ chức giám sát, ứng cứu sự cố/Tự tổ chức, triển khai, thành lập đơn vị thực hiện giám sát, ứng cứu sự cố. Thành lập tại quyết định số 02/QĐ-STTTT ngày 01/01/2024. Ban hành quyết định số 03/STTTT về ban hành quy trình ứng cứu sự cố)			Căn cứ theo nội dung Công văn 652/BTTTT-CATTT ngày 28/02/2023 Về việc hướng dẫn triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm về an toàn thông tin mạng trong năm 2023
21	Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ: Ngoài Tổ công tác kiểm tra phục vụ kết nối với CSĐLQG về DC, đơn vị có tổ chức thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ theo quy định và có thực hiện báo cáo kết quả không? (Ví dụ: Phối hợp Công ty an ninh mạng Viettel thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin 02 lần vào ngày 05/06/2023 và 01/12/2023. Và có báo cáo kết quả tại công văn số 100/UBND ngày 05/01/2024 gửi Bộ TT và TT, Bộ Công an)			Căn cứ theo nội dung Công văn 652/BTTTT-CATTT ngày 28/02/2023 Về việc hướng dẫn triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm về an toàn thông tin mạng trong năm 2023
22	Kết nối với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC). Hệ thống đã thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin giám sát an toàn thông tin chưa? Trong thời			Căn cứ theo nội dung Công văn 652/BTTTT-CATTT ngày 28/02/2023 Về việc hướng dẫn triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm về an toàn thông tin mạng trong năm 2023

STT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ		KHUYẾN NGHỊ
		ĐÃ LÀM	CHƯA LÀM	
	gian vừa qua, có phát hiện, xảy ra vấn đề gì không (Ví dụ: hệ thống đã thực hiện kết nối với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC) từ 05/06/2023. Trong quá trình phối hợp giám sát không xảy ra vấn đề mất an toàn thông tin, an ninh mạng)			
23	Công tác diễn tập tấn công, diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng: đã thực hiện chưa, thực hiện bao giờ, đơn vị phối hợp (Ví dụ: Triển khai công tác diễn tập thực chiến theo kế hoạch số 01/UBND ngày 01/01/2024. Đơn vị phối hợp: Công ty an ninh mạng Viettel,... Thời gian thực hiện: từ ngày 05/01/2024 đến 10/01/2024)			Căn cứ theo nội dung Công văn 652/BTTTT-CATTT ngày 28/02/2023 Về việc hướng dẫn triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm về an toàn thông tin mạng trong năm 2023
24	Mã nguồn các phần mềm do ai quản lý, chế độ quản lý như thế nào? Đơn vị, cá nhân quản lý? Có ban hành quy định, quy trình chưa? (Ví dụ: Đơn vị quản lý; Cán bộ quản lý; Ban hành quy định, quy định tại quyết định số 01/STTT ngày 01/01/2024)			Căn cứ theo nội dung Công văn 652/BTTTT-CATTT ngày 28/02/2023 Về việc hướng dẫn triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm về an toàn thông tin mạng trong năm 2023
25	Tài khoản khai thác API do ai quản lý? Đơn vị, cá nhân quản lý? Có ban hành quy định, quy trình chưa? (Ví dụ: Đơn vị quản lý; Cán bộ quản lý; Ban hành quy định quản lý, sử dụng tài khoản khai thác API tại quyết định số 01/STTT ngày 01/01/2024)			Căn cứ theo nội dung Công văn 652/BTTTT-CATTT ngày 28/02/2023 Về việc hướng dẫn triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm về an toàn thông tin mạng trong năm 2023
26	Đề xuất đầu tư giai đoạn 2024-2025 (Ví dụ: Có dự kiến đầu tư, nâng cấp, bổ sung không? Đã đề xuất đầu tư chưa)			
27	Tổng kinh phí đề xuất (Ví dụ: Tổng kinh phí đề xuất đối với hệ thống này)			
28	Bổ trí kinh phí (Ví dụ: Đã bổ trí kinh phí cho hạng mục đầu tư này chưa/ Có thông báo chưa?)			
IV	NGUỒN LỰC			
1	KINH PHÍ, NGÂN SÁCH			
1.1	Việc triển khai hướng dẫn bố trí kinh phí, nguồn lực thực hiện Đề án 06, đã tham mưu với Chủ tịch UBND tỉnh triển khai như thế nào? Đã nắm hết các hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT chưa?			1. Xác định rõ nguồn chi từ ngân sách thường xuyên hay đầu tư. 2. Phải có danh mục đầu tư hạ tầng, mua sắm trang thiết bị, các khoản chi khác phục vụ cho việc triển khai Chuyển đổi số và Đề án 06.
1.2	Đã tham mưu với Chủ tịch UBND tỉnh triển khai như thế nào? Đã đăng ký vốn chưa, Bao nhiêu? Được cấp bao nhiêu? Có đủ không, trong trường hợp thiếu thì giải quyết như thế nào? Riêng tỉnh bố trí bao nhiêu? Có phương án huy động, xã hội hóa không?			
1.3	Đến nay, đã có bao nhiêu sở, ngành, quận, huyện đăng ký nhu cầu sử dụng ngân sách để triển khai, thực hiện Đề án 06?			
1.4	Danh mục đầu tư mua sắm trang thiết bị ứng dụng CNTT phục vụ triển khai Chuyển đổi số và Đề án 06 đã có chưa? (số lượng, thiết bị, giá tiền)			
2	CON NGƯỜI			
2.1	Có bao nhiêu cán bộ làm về công nghệ thông tin, đã đáp ứng được chưa?			1. Đảm bảo bố trí đủ nhân lực CNTT phục vụ cho việc giải quyết TTHC và vận hành quản trị 2. Cần rà soát, đánh giá và xây dựng lộ trình cắt giảm nhân lực khi chuyển đổi trạng thái từ thủ công sang công nghệ. 3. Cán bộ công chức viên chức phải được đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT và kỹ năng đảm bảo an ninh an toàn bảo mật dữ liệu
2.2	Đã rà soát đánh giá, rà soát và có lộ trình rà soát cắt giảm nhân lực con người khi chuyển đổi trạng thái từ thủ công sang công nghệ			
2.2	Từng vị trí công tác thực hiện Đề án 06 đã được tập huấn, thực hành, trang bị, cập nhật kiến thức về an ninh an toàn trên MOOC chưa?			

PHỤ LỤC VỀ HẠ TẦNG/MÔ HÌNH TRIỂN KHAI CHUYỂN ĐỔI SỐ - ĐỀ ÁN 06 CỦA 01 ĐƠN VỊ

TT	Tên hệ thống/Mô hình	Đơn vị quản lý	Tự đầu tư/Thuê	Năm đầu tư/thuê	Hiệu năng máy chủ CPU	Hiệu năng lưu trữ	Kiến trúc Phần mềm	Số lượng hồ sơ tiếp nhận trong ngày thông môi trường điện tử	Số lượng hồ sơ tiếp nhận trực tiếp	Triển khai Hạ tầng phục vụ số hóa	Định dạng lưu trữ số hóa	Số lượng hồ sơ đã số hóa	Triển khai dịch vụ	Đề xuất đầu tư giai đoạn 2024-2025	Tổng kinh phí đề xuất	Bổ trí kinh phí	Nguồn vốn	Định hướng
1	Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính	Sở Thông tin và truyền thông/Văn phòng Ủy ban nhân dân	Ví dụ: Tự đầu tư/Đang thử nghiệm/ Thuê VNPT, Viettel, FPT	Ví dụ: Năm đầu tư 2020/ Thuê (ghi hợp đồng từ 2022-2025)	Ví dụ: Số CPU đang dùng/ Tổng số CPU	Ví dụ: Dung lượng đang dùng thực tế/Tổng dung lượng	Ví dụ: Kiến trúc phần mềm Monolith/ Micro service	Số lượng hồ sơ tiếp nhận cao nhất trong ngày	Số lượng hồ sơ tiếp nhận cao nhất trong ngày	Ví dụ: đã triển khai riêng/ dùng chung với tài nguyên lưu trữ của hệ thống nào?	Ví dụ: scan hồ sơ/ nhập liệu hồ sơ/ chụp ảnh	Ví dụ: số hóa đang scan được bao nhiêu hồ sơ/ thông tin của bao nhiêu người	Số lượng Dịch vụ công toàn trình/ Tổng số lượng dịch vụ công	Ví dụ: Có dự kiến đầu tư, nâng cấp, bổ sung không? Đề xuất đầu tư chưa	Ví dụ: Tổng kinh phí đề xuất đổi mới với hệ thống này	Ví dụ: Đã bỏ trí kinh phí cho hàng mục đầu tư này chưa/ Có thông báo chưa?	Ví dụ: Nếu rõ dự kiến khai toán nguồn vốn Địa phương và nguồn vốn Trung ương)	
2	Kiosk - DVC	Sở Thông tin và truyền thông/Văn phòng Ủy ban nhân dân	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	X	X	X	Số lượng hồ sơ tiếp nhận cao nhất trong ngày tại một địa điểm	X	X			Số lượng Kiosk đã đầu tư/Triển khai tại bao nhiêu địa điểm					
3	Chứng thực điện tử	Sở Thông tin và truyền thông	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Số lượng văn bản ký số chứng thực trong ngày	X	X			Đã triển khai tại bao nhiêu Cơ sở chứng thực					
4	HOC	Sở Y tế	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Số lượng hồ sơ của công dân các Cơ sở khám chữa bệnh gửi về	X	Tổng số lượng hồ sơ của công dân			Số lượng Cơ sở khám chữa bệnh gửi thông tin					
5	Camera AI	Ban quản lý khu công nghiệp/Ban quản lý khu du lịch/...	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	X	X	X	Số lượng hồ sơ của công dân, Tổng số bản ghi			Số lượng Camera và số lượng địa điểm triển khai					

TT	Tên hệ thống/Mô hình	Đơn vị quản lý	Tự đầu tư/Thuê	Năm đầu tư/thuê	Hiệu năng máy chủ CPU	Hiệu năng lưu trữ	Kiến trúc Phần mềm	Số lượng hồ sơ tiếp nhận trong ngày thông môi trường điện tử	Số lượng hồ sơ tiếp nhận trực tiếp	Triển khai Hạ tầng phục vụ số hóa	Định dạng lưu trữ số hóa	Số lượng hồ sơ đã số hóa	Triển khai dịch vụ	Đề xuất đầu tư giai đoạn 2024-2025	Tổng kinh phí đề xuất	Bố trí kinh phí	Nguồn vốn	Định hướng
6	CSDL ngành Giáo dục và đào tạo	Sở Giáo dục và đào tạo	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Số lượng hồ sơ của công dân các Cơ sở đào tạo gửi về	X	Số lượng hồ sơ của công dân; Tổng số bản ghi			Triển khai phần mềm tại bao nhiêu trường học					
7	Phần mềm quản lý đất đai	Sở Tài nguyên môi trường	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Số lượng hồ sơ đất đai tiếp nhận	Số lượng hồ sơ đã số hóa bằng scan, chụp ảnh / Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Số lượng hồ sơ đã chuyển thể thành dữ liệu; Tổng số hồ sơ			Triển khai phần mềm tập trung tại Sở hay phân tán tại các Huyện, Xã					
8	Phần mềm an sinh xã hội	Sở Lao động	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Số lượng hồ sơ tiếp nhận	Số lượng hồ sơ đã số hóa bằng scan, chụp ảnh / Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Số lượng hồ sơ đã chuyển thể thành dữ liệu; Tổng số hồ sơ			X					
9	Phần mềm Cơ sở dữ liệu công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tổng số lượng hồ sơ	Số lượng hồ sơ đã số hóa bằng scan, chụp ảnh	Số lượng hồ sơ đã chuyển thể thành dữ liệu;			X					
10	Phần mềm Quản lý thi sát hạch	Sở Giao thông và vận tải	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tổng số lượng hồ sơ các đơn vị gửi về	Số lượng hồ sơ đã số hóa bằng scan, chụp ảnh	Số lượng hồ sơ đã chuyển thể thành dữ liệu;			Đã triển khai tại bao nhiêu Cơ sở					
11	Hệ thống IOC	Sở Thông tin và truyền thông/Văn phòng Ủy ban nhân dân	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	X	X	X			Kết nối và lấy dữ liệu từ những hệ thống nào					
12	Hệ thống SOC	Sở Thông tin và truyền thông/Văn phòng Ủy ban nhân dân	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	X	X	X	X			Đang theo dõi cho những hệ thống nào					

PHỤ LỤC VỀ HẠ TẦNG ĐƯỜNG TRUYỀN TRIỂN KHAI CHUYỂN ĐỔI SỐ - ĐỀ ÁN 06 CỦA 01 ĐƠN VỊ

TT	Tên hệ thống/Mô hình	Mạng Internet					Mạng Cpnnet	Trục VDXP		Trục NDXP		Trục khác		Đề xuất đầu tư giai đoạn 2024-2025	Tổng kinh phí để xuất	Bố trí kinh phí	Nguồn vốn
		Tối thiểu 02 đường Internet	Chất lượng băng thông tại hệ thống	Số kết nối cao nhất/ Dung lượng cao nhất	Đã kết nối với các hệ thống	Mục đích sử dụng đường truyền	Tối thiểu 02 đường / Băng thông	Đã kết nối với các hệ thống	Mục đích sử dụng	Đã kết nối với các hệ thống	Mục đích sử dụng	Đã kết nối với các hệ thống	Mục đích sử dụng				
1	Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính	Ví dụ: Đảm bảo (VNPT + FPT)/ Chưa đảm bảo (VNPT)	Ví dụ: VNPT 100 Mbps/ FPT 100 Mbps	Ví dụ: 1000 kết nối/ 80 Mb	Ví dụ: Đã kết nối với hệ thống A,...	Ví dụ: Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến/ Kết nối với hệ thống A,...	Ví dụ: Đảm bảo (02 đường mỗi đường 15 Mb) / Chưa đảm bảo	Ví dụ: Kết nối với hệ thống A,...	Ví dụ: Gửi văn bản, gửi dữ liệu dịch vụ công đến hệ thống A,...	Ví dụ: Kết nối với hệ thống A,...	Ví dụ: Chia sẻ dữ liệu dân cư với các hệ thống A; dữ liệu giáo dục với hệ thống B,...	Ví dụ: Kết nối với hệ thống A,...	Ví dụ: Chia sẻ dữ liệu dân cư với các hệ thống A; dữ liệu giáo dục với hệ thống B,...	Ví dụ: Có dự kiến đầu tư, nâng cấp, bổ sung không? Đã đề xuất đầu tư chưa	Ví dụ: Tổng kinh phí để xuất đổi với hệ thống này	Ví dụ: Đã bố trí kinh phí cho hàng mục đầu tư này chưa/ Có thông báo chưa?	Ví dụ: Nếu rõ dự kiến nguồn vốn Địa phương và nguồn vốn Trung ương)

PHỤ LỤC VỀ TRANG, THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI TRIỂN KHAI CHUYỂN ĐỔI SỐ - ĐỀ ÁN 06 CỦA 01 ĐƠN VỊ

TT	Đơn vị	Số lượng cán bộ, nhân viên	Số lượng máy tính	Số lượng máy in	Số lượng máy scan	Số lượng thiết bị đọc thẻ	Số lượng USB Token kí số	Đường truyền	Băng thông	Đề xuất đầu tư nâng cấp, bổ sung giai đoạn 2024-2025	Tổng kinh phí đề xuất	Bố trí kinh phí	Nguồn vốn
1	Đơn vị cấp huyện: Quận / Huyện / Thị xã / Thành phố thuộc tỉnh / Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương	Tổng số lượng cán bộ nhân viên (chính thức, tạm tuyển/thứ việc)	(tổng số, đã kiểm tra an ninh an toàn, số máy cài phần mềm diệt virus)	(tổng số, đã kiểm tra an ninh an toàn)	(tổng số, đã kiểm tra an ninh an toàn)	(tổng số, đã kiểm tra an ninh an toàn)	Tổng số lượng USB Token/số lượng cán bộ thực hiện công tác nghiệp vụ	Số lượng, nhà cung cấp dịch vụ		Có dự kiến đầu tư nâng cấp, bổ sung? Đã đề xuất đầu tư chưa	Tổng kinh phí đề xuất	Đã bố trí kinh phí cho hạng mục đầu tư này chưa/ Có thông báo chưa?	Ví dụ: Nếu rõ dự kiến khai toán nguồn vốn Địa phương và nguồn vốn Trung ương
	Đơn vị cấp xã: Xã / Phường / Thị trấn.												
<i>Ví dụ</i>													
1	Quận 1	Tổng số lượng cán bộ, nhân viên: 55 Chính thức: 50 Thứ việc: 5	Tổng số lượng máy tính: 50 Đã kiểm tra an ninh an toàn: 50 Số máy đã cài phần mềm diệt virus: 50	Tổng số lượng máy in: 20 Đã kiểm tra an ninh an toàn: 20	Tổng số lượng máy Scan: 20 Đã kiểm tra an ninh an toàn: 20	Tổng số lượng thiết bị: 20 Đã kiểm tra an ninh an toàn: 20	Tổng số lượng USB Token: 50/50 cán bộ	02 đường truyền VNPT và Viettel	VNPT: 1GB Viettel: 1GB	Chưa dự kiến đầu tư	x	x	x
1.1	Phường Bến Nghé	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Chưa dự kiến đầu tư	x	x	x
1.2	Phường Bến Thành	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Chưa dự kiến đầu tư	x	x	x
1.3	Phường Cô Giang	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Chưa dự kiến đầu tư	x	x	x
2	Quận 2	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Chưa dự kiến đầu tư	x	x	x
2.1	Phường An Khánh	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Chưa dự kiến đầu tư	x	x	x
2.2	Phường An Lợi Đông	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Tương tự ví dụ	Chưa dự kiến đầu tư	x	x	x

PHỤ LỤC VỀ CÁC PHẦN MỀM TRIỂN KHAI CHUYỂN ĐỔI SỐ - ĐỀ ÁN 06 CỦA 01 ĐƠN VỊ

TT	Tên đơn vị	Sử dụng phần mềm tập trung của Bộ/Tự phát triển	Đơn vị phát triển	Kiến trúc Phần mềm	Quản lý mã nguồn	Số lượng tài khoản đăng ký	Trung bình số tài khoản đăng nhập trong 1 ngày	Tổng số tài khoản có hoạt động thường xuyên (trong 1 tháng và không tính trùng nhau)	Top 10 tính năng, dịch vụ được sử dụng nhiều nhất	Phần mềm có liên thông dữ liệu với các phần mềm/hệ thống khác	Căn cứ/ Tiêu chuẩn xây dựng phần mềm	Các trường thông tin đã có sẵn dữ liệu	Các tập tin đang yêu cầu đính kèm (thành phần hồ sơ)	Đề xuất đầu tư giai đoạn 2024-2025	Tổng kinh phí đề xuất	Bố trí kinh phí	Nguồn vốn
	Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính		Ví dụ: Tự phát triển/ VNPT/...	Ví dụ: Kiến trúc phần mềm Monolith/ Micro service	Ví dụ: Đã tiếp nhận mã nguồn/ VNPT đang quản lý	Ví dụ: Số lượng tài khoản đã đăng ký với hệ thống	Ví dụ: Số tài khoản đăng nhập thành công vào hệ thống trong 01 ngày	Ví dụ: trong 1 tháng có 100 tài khoản thường xuyên đăng nhập hệ thống (1 tài khoản có thể đăng nhập nhiều lần trong 1 tháng)	Ví dụ: tính năng tra cứu, đăng ký cư trú,....	Ví dụ: kết nối với phần mềm / CSDLQG về DC để khai thác dữ liệu dân cư, khai thác với CSDL bảo hiểm,....	Ví dụ: hệ thống CSDLQG về DC xây dựng theo Luật cư trú	Ví dụ: 17 trường thông tin của công dân	Ví dụ: file chụp ảnh số đo, các giấy tờ chứng minh chỗ ở hợp pháp	Ví dụ: Có dự kiến đầu tư, nâng cấp, bổ sung không? Đã đề xuất đầu tư chưa	Ví dụ: Tổng kinh phí đề xuất đối với hệ thống này	Ví dụ: Đã bố trí kinh phí cho hạng mục đầu tư này chưa/ Có thông báo chưa?	Ví dụ: Nếu rõ dự kiến nguồn vốn Địa phương và nguồn vốn Trung ương)

PHỤ LỤC 03
17 NHIỆM VỤ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 06 CHÍNH PHỦ TRIỂN KHAI
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tổng số 17 nhiệm vụ triển khai, trong đó: 12 nhiệm vụ đã được chỉ đạo; 05 nhiệm vụ bổ sung thêm mới (gồm: (1) Thu thuế khoán hộ kinh doanh; hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền; (2) Chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng không dùng tiền mặt; (3) Giải pháp chuẩn hóa việc đánh số nhà; (4) Hạ tầng triển khai đề án 06, chuyển đổi số; (5) Đánh giá trách nhiệm cán bộ, công chức trong thực hiện đề án 06).

TT	NHIỆM VỤ	KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC	KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	
			KIẾN NGHỊ	Ý KIẾN CỦA TỔ CÔNG TÁC ĐA06/CP, CÁC BỘ, NGÀNH
1	XÂY DỰNG HỆ THỐNG HỒ SƠ SỨC KHỎE ĐIỆN TỬ, SỔ SỨC KHỎE ĐIỆN TỬ (Kế hoạch số 269/KH-UBND ngày 13/1/2023)	1. Việc kết nối thông qua cơ chế API dựa trên kênh truyền Internet khiến việc liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống Hồ sơ sức khỏe điện tử với các hệ thống, ứng dụng của các bệnh viện, cơ sở y tế có thể gặp nhiều rủi ro về mức độ bảo mật, an toàn thông tin. 2. Việc thẩm định, phê duyệt cấp độ ATTT chưa thể thực hiện theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP; Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT do hệ thống đang trong giai đoạn đầu tư nên chưa xác định được “chủ thể hệ thống”.	1. Tổ Công tác Đề án 06/Chính phủ: Giao các Bộ, ngành và các đơn vị liên quan nghiên cứu, tháo gỡ khó khăn liên quan đến tính pháp lý về chia sẻ dữ liệu theo quy định tại Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 để thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu Dân cư (Bộ Công an), Dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm (Bảo hiểm xã hội Việt Nam) với Hệ thống HSSKĐT TP.	Các bộ, ngành sẽ phải kết nối, chia sẻ theo quy định tại ND 13 để phục vụ công tác quản lý nhà nước và phải thông báo cho người dân. Do vậy, đề nghị các bộ, ngành thực hiện theo kiến nghị của Hà Nội. Triển khai ngay sau hội nghị này.
			2. Đề nghị Cục C06, Bộ Công an: Trong thời gian thí điểm, Hệ thống HSSKĐT thành phố Hà Nội đã được đánh giá đảm bảo về an ninh mạng, an toàn thông tin, kiến nghị	Hà Nội phối hợp với C06 làm sạch 8,1 triệu dữ liệu hồ sơ sức khỏe qua phương thức offline với CSDLQG về DC, hoàn thành trước 31/3/2024.

TT	NHIỆM VỤ	KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC	KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	
			KIẾN NGHỊ	Ý KIẾN CỦA TỔ CÔNG TÁC ĐA06/CP, CÁC BỘ, NGÀNH
			Cục C06 cho phép kết nối Hệ thống Hồ sơ sức khỏe điện tử của thành phố Hà Nội với CSDL dân cư để xác minh xác thực thông tin hành chính của người dân trên địa bàn Thành phố Hà Nội; với Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia NDXP do Cục Chuyển đổi số - Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý. <i>Hoàn thành trong tháng 3/2024.</i>	
			3. Đề nghị Bảo hiểm xã hội VN: (1) Hỗ trợ chia sẻ dữ liệu khám, chữa bệnh BHYT và không sử dụng BHYT của người dân trên địa bàn Thành phố cho Hệ thống Hồ sơ sức khỏe điện tử Thành phố. (2) Hỗ trợ cung cấp API xác minh thông tin và trả về thông tin thẻ BHYT (mã thẻ, nơi đăng ký KCB ban đầu, hạn thẻ) theo dữ liệu đầu vào của Hồ sơ sức khỏe điện tử (họ	(1) Bộ Y tế có hướng dẫn để các cơ sở y tế kết nối chuyển dữ liệu về BHXH (hoàn thành trong ngày 15/3/2024); (2) BHXH đã hoàn thành API để kết nối (đã xong).

TT	NHIỆM VỤ	KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC	KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	
			KIẾN NGHỊ	Ý KIẾN CỦA TỔ CÔNG TÁC ĐA06/CP, CÁC BỘ, NGÀNH
			tên, ngày sinh, số CCCD/Số định danh cá nhân). <i>Hoàn thành trong tháng 03/2024.</i>	
			4. Đề nghị Bộ Y tế: (1) Phối hợp với Bộ Công an ban hành mẫu Sổ sức khỏe điện tử hiển thị trên ứng dụng VneID. <i>Hoàn thành trước 15/4/2024.</i> (2) Phối hợp với các Bộ, ngành khác liên quan và Sở Y tế Hà Nội hướng dẫn chuyên môn, pháp lý cho các cơ sở y tế và người dân trên địa bàn Thành phố sử dụng Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID phục vụ công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc, quản lý, theo dõi sức khỏe (khi dùng Sổ sức khỏe điện tử trên VneID thay cho Sổ khám bệnh, chữa bệnh bằng giấy); <i>Hoàn thành trước 15/4/2024.</i> (3) Chỉ đạo các Bệnh viện trực thuộc Bộ, ngành chia sẻ dữ liệu khám chữa	(1) Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các đơn vị liên quan ban hành biểu mẫu sổ sức khỏe điện tử hiển thị trên ứng dụng VneID, hoàn thành trước 30/3/2024. (2) Bộ Y tế phải có văn bản đề hướng dẫn, hoàn thành trước 15/4/2024. (3) Bộ Y tế có văn bản đồng ý thực hiện cho các cơ sở khám chữa bệnh triển khai qua BHXH để thực hiện (theo đề nghị của BHXH). Hoàn thành trước 20/3/2024 để Hà Nội thực hiện thông qua BHXH.

TT	NHIỆM VỤ	KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC	KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	
			KIẾN NGHỊ	Ý KIẾN CỦA TỔ CÔNG TÁC ĐA06/CP, CÁC BỘ, NGÀNH
			bệnh của người dân trên địa bàn thành phố Hà Nội lên Hệ thống Hồ sơ sức khỏe điện tử Thành phố. <i>Hoàn thành trong tháng 3/2024.</i>	
			5. Bộ Thông tin và Truyền thông: Tiếp tục hỗ trợ thành phố Hà Nội kết nối với CSDL dân cư và CSDL Bảo hiểm qua trục NDXP.	Bộ TTTT tiếp tục hỗ trợ Hà Nội trong việc kết nối với CSDLQG về DC. Thực hiện thường xuyên.
2	THÍ ĐIỂM KIOSK KHÁM SỨC KHỎE TẠI BỆNH VIỆN XANH PÔN, ĐỒNG ĐÀ	1. Bệnh nhân của Xanh Pôn đa số là bệnh nhân cao tuổi hoặc bệnh nhân nhi nên khó khăn trong việc tiếp cận với công nghệ và làm quen việc tự phục vụ. 2. Công tác truyền thông về Kiosk tự phục vụ còn hạn chế. 3. Dữ liệu về BHYT và dữ liệu cư dân Quốc gia chưa đồng nhất 100% nên có khó khăn trong công tác đăng ký khám (VD: trên thẻ BHYT chỉ có năm sinh còn trên CCCD gắn chip thì có đủ ngày tháng năm sinh) 4. Số lượng Kiosk chưa đủ để phục vụ người dân vào giờ cao điểm.	1. Đề nghị C06-Bộ Công an: hỗ trợ và tạo điều kiện để cho bệnh viện có thể tiếp cận sâu hơn nữa dữ liệu quốc gia về dân cư để tối ưu các luồng quy trình trong bệnh viện. <i>Trả lời trong tháng 3/2024.</i> 2. Đề nghị Bộ Y tế: - Sớm liên thông và xây dựng kho dữ liệu quốc gia về y tế để có thể tham chiếu các hồ sơ, bệnh án, tiền sử khám chữa bệnh của bệnh nhân trong công tác điều trị và chuẩn đoán bệnh nhân. - Sớm nghiên cứu xây dựng Cổng đăng ký khám, chữa bệnh trực tuyến dùng chung kết nối đồng bộ với các bệnh viện Trung ương và Thành phố.	C06 tập trung làm sạch 8,1 triệu, từ đó, Kiosk sẽ đảm bảo dữ liệu để sử dụng trong việc khám chữa bệnh trên Kiosk, thẻ CCCD và trên VNeID như sử dụng thẻ CCCD tại các bệnh viện hiện nay. Hoàn thành trước 30/3/2024. Hiện nay đã triển khai qua BHXH, do vậy, đã sẵn sàng để triển khai theo yêu cầu của Hà Nội. - Về cổng đăng ký khám chữa bệnh, đề nghị Bộ Y tế có báo cáo cụ thể để xác định lộ trình.

TT	NHIỆM VỤ	KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC	KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	
			KIẾN NGHỊ	Ý KIẾN CỦA TỔ CÔNG TÁC ĐA06/CP, CÁC BỘ, NGÀNH
3	TRIỂN KHAI THÍ ĐIỂM HỌC BẠ SỞ CẤP TIỂU HỌC	Sau buổi tập huấn ngày 15/3/2024 của Bộ GDĐT về sử dụng vận hành các chức năng, nghiệp vụ cơ bản trong tạo lập và sử dụng Học bạ số do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, sẽ được làm rõ về vấn đề phân mềm, cách thức triển khai, tạo lập, sử dụng, kết nối...	1. Bộ GDĐT: (1) Nâng cấp CSDL ngành đáp ứng nhu cầu tiếp nhận học bạ số; (2) Triển khai hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu về học bạ từ Sở đến Bộ.	Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hà Nội sẽ hoàn thành phương án triển khai thực hiện trước 20/3/2024.
			2. Ban Cơ Yếu Chính phủ: (1) Hỗ trợ cấp chữ ký số cho giáo viên tiểu học công lập trên địa bàn (hiện Hà Nội còn khoảng 18.000 giáo viên tiểu học chưa có chữ ký số). <i>Hoàn thành trong tháng 4/2024.</i> (1) Hướng dẫn cấp chữ ký số cho các giáo viên tiểu học hệ ngoài công lập trên địa bàn Thành phố.	Đề nghị Hà Nội chủ động trao đổi với Ban Cơ Yếu Chính phủ để thực hiện, qua trao đổi với Ban Cơ yếu Chính phủ, hiện Ban Cơ yếu đã có thông báo 293 ngày 22/8/2023 gửi các bộ ngành địa phương triển khai giải pháp remote signing (chữ ký số mềm). Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hà Nội làm việc trực tiếp để đăng ký nhu cầu và tích hợp giữa hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo với hệ thống của Hà Nội.
4	THU PHÍ KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT TẠI CÁC ĐIỂM ĐỖ XE, BÃI ĐỖ XE TỈNH TRÊN	(1) Có nhiều tổ chức, cá nhân được cấp phép, khai thác các bãi đỗ xe, điểm đỗ xe trên địa bàn nên khi triển khai thực hiện thu phí không dùng tiền mặt trên toàn Thành phố dự báo khó khăn về quản lý và triển khai. (2) Còn tồn tại các bãi trông giữ xe tự phát ở các khu đất xen kẹt, khu đất dự án chưa triển khai; khu đất trống trong khuôn viên các khu tập thể cũ; tại nhà riêng...; tại các điểm trông giữ xe dưới lòng đường, trên hè	Đề nghị TCT Đề án 06/CP: - Cho phép Thành phố nghiên cứu xây dựng Kế hoạch triển khai tổng thể trong tháng 4/2024; - Cho phép Thành phố nghiên cứu tiến hành thí điểm đối với các địa điểm do Công TNHH MTV khai thác điểm đỗ TP quản lý, bắt đầu thực hiện từ ngày 01/5/2024.	Nhất trí với đề nghị của Hà Nội.

TT	NHIỆM VỤ	KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC	KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	
			KIẾN NGHỊ	Ý KIẾN CỦA TỔ CÔNG TÁC ĐA06/CP, CÁC BỘ, NGÀNH
	ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ	phố trong khu đô thị do Chủ đầu tư quản lý và trên các tuyến đường giao thông chưa được bàn giao về cơ quan quản lý nhà nước. (3) Việc triển khai thí điểm còn một số vướng mắc như: (i) Hạn mức chuyển khoản tối thiểu của một số ngân hàng là từ 10.000đ; (ii) Một số công dân không dùng điện thoại thông minh; (iii) APP của VETC thường xuyên quá tải, hoạt động không hiệu quả; (iv) Việc phối hợp giữa Cty VETC và các bãi trông giữ xe còn nhiều bất cập.		
5	THU THUẾ KHOẢN HỘ KINH DOANH; HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ KHỞI TẠO TỪ MÁY TÍNH TIỀN	1) Về cơ chế chính sách - Chính sách sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền được áp dụng đối với hộ theo phương pháp kê khai và chưa mang tính bắt buộc phải thực hiện. + Chính sách về đăng ký kinh doanh còn chưa chặt chẽ trong việc sử dụng giấy tờ cá nhân (vẫn cho phép sử dụng chứng minh nhân dân 9 số) dẫn đến khó khăn trong việc đồng bộ thông tin và chuẩn hóa dữ liệu cá nhân. 2) Thực tế phát sinh trong quá trình quản lý	Đề nghị TCT kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: (1) Giao Bộ Tài chính đề xuất Chính phủ sửa đổi Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ, cụ thể (i) Bổ sung sửa đổi quy định rõ đối tượng phải triển khai hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền; (2) Quy định rõ trách nhiệm cung cấp thông tin cho Cơ quan thuế đối với các nhà cung cấp giải pháp quản lý bán hàng, nghiêm cấm các hình thức tiếp tay, tạo điều kiện thiết lập hệ	Nhất trí với ý kiến của Hà Nội, C06 sẽ đưa vào nội dung họp Tổ công tác Chính phủ để rà soát đánh giá.

TT	NHIỆM VỤ	KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC	KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	
			KIẾN NGHỊ	Ý KIẾN CỦA TỔ CÔNG TÁC ĐA06/CP, CÁC BỘ, NGÀNH
		- Trong quá trình đồng bộ qua Hệ thống liên thông, vẫn còn phát sinh nhiều lỗi hệ thống dẫn đến không thực hiện được đồng bộ dữ liệu, cụ thể: Các trường hợp NNT đã có MST trước đây nhưng chưa có đăng ký kinh doanh (<i>Hộ kinh doanh chưa làm thủ tục đăng ký với Cơ quan ĐKKD</i>). - Bản đồ số hộ kinh doanh do Tổng cục thuế phát triển ứng dụng thực hiện công khai hộ khoán, chưa thực hiện công khai đối với loại hình hộ kinh doanh khác. - Dữ liệu MST phải rà soát lớn, dữ liệu lịch sử NNT kê khai chưa đầy đủ, chính xác hoặc chưa được cập nhật kịp thời (Trường hợp trùng CMND, trùng MST, chưa được cấp CCCD hoặc không có thông tin khớp đúng với CSDL quốc gia về dân cư, NNT đã chuyển cơ quan thuế quản lý..., dữ liệu CCCD có thể thay đổi dẫn đến thay đổi trạng thái khớp đúng). - Số lượng cán bộ thuế còn mỏng, địa bàn rộng, trang thiết bị hỗ trợ tác nghiệp cho cán bộ thuế còn thiếu.	thống cho người bán nhằm trốn doanh thu. (2) Chỉ đạo triển khai kết nối dữ liệu đồng bộ số CCCD giữa các ngành để cập nhật nhanh nhất các thay đổi tại CSDLQG về dân cư theo các hình thức điện tử, tạo điều kiện đẩy nhanh việc chuyển đổi sử dụng mã số định danh cá nhân thay cho MST. (3) Bộ, ngành tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các chính sách đăng ký kinh doanh, đảm bảo thông tin về cá nhân, hộ kinh doanh được xác thực, chuẩn hóa ngay khi thực hiện đăng ký, đồng bộ CSDL giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế.	

TT	NHIỆM VỤ	KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC	KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	
			KIẾN NGHỊ	Ý KIẾN CỦA TỔ CÔNG TÁC ĐA06/CP, CÁC BỘ, NGÀNH
6	CHI TRẢ AN SINH XÃ HỘI KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT (Công điện số 01/CD-UBND ngày 12/01/2024)	(1) Một số đối tượng hưởng chính sách ASXH là người cao tuổi già yếu, khuyết tật, thương bệnh binh nặng chỉ có nhu cầu nhận tiền trợ cấp bằng tiền mặt, không đồng ý mở tài khoản và không đồng ý ủy quyền nhận tiền trợ cấp qua tài khoản. (2) Đến thời điểm chi trả ngân hàng vẫn chưa kịp phát hành thẻ ATM cho đối tượng thụ hưởng. (3) Tỷ lệ sai thông tin tài khoản ngân hàng vẫn còn khá nhiều do tiến độ mở tài khoản trong thời gian ngắn và gấp rút, nhập liệu thông tin sai và chưa kịp đối soát với ngân hàng về thông tin tài khoản của đối tượng thụ hưởng. (4) Một số quận, huyện do trên địa bàn ít cây ATM, chỉ tập trung ở thị trấn và một vài xã, còn lại rất nhiều xã không có cây ATM dẫn đến việc đối tượng yêu cầu chỉ nhận trợ cấp bằng tiền mặt do khó khăn trong việc đi lại rút tiền mặt.	Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Thành phố phối hợp các Ngân hàng thương mại nghiên cứu, bố trí bổ sung thêm cây ATM tại các địa bàn còn thiếu; đẩy nhanh việc phát hành thẻ;	Nhất trí và C06 sẽ có văn bản trong ngày 15/3/2024 gửi Ngân hàng Nhà nước về kiến nghị của Hà Nội.

TT	NHIỆM VỤ	KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC	KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	
			KIẾN NGHỊ	Ý KIẾN CỦA TỔ CÔNG TÁC ĐA06/CP, CÁC BỘ, NGÀNH
7	CHI TRẢ LƯƠNG HƯU, TRỢ CẤP BẢO HIỂM XÃ HỘI HÀNG THÁNG KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT	- Nhu cầu chi trả lương hưu và trợ cấp BHXH hàng tháng bằng phương thức không dùng tiền mặt của người dân chưa cao, đặc biệt đối với người cao tuổi. - Thói quen người dân vẫn quen sử dụng tiền mặt, 1 số người có tuổi hay quên mặt khâu, một số Ngân hàng chỉ đặt cây ATM ở thị trấn, về nông thôn hiện tại không có máy ATM thuận lợi cho người dân rút tiền...dẫn đến tỷ lệ chi trả qua ATM vẫn còn thấp.	1. Ngân hàng Nhà nước nghiên cứu, báo cáo Chính phủ có quy định mang tính “bắt buộc” đối với người nhận lương hưu, hưởng các chế độ ASXH tại các vùng đô thị nhận chi trả không dùng tiền mặt.	Ngân hàng Nhà nước và BHXH có đánh giá đề xuất đề báo cáo Tổ công tác và báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 3/2024.
8	VAY TÍN CHẤP		Đề nghị C06 và các ngân hàng xây dựng quy trình, giải pháp cụ thể	C06 đã có văn bản 184 ngày 08/01/2024 hướng dẫn quy trình cho vay tại phụ lục; đề nghị Hà Nội nêu rõ các vướng mắc, khó khăn trong triển khai việc này để C06 giải đáp thực hiện.
9	TRIỂN KHAI CẤP LLTP		(1) Đề nghị Cục C06, Bộ Tư pháp tiếp tục hỗ trợ về hạ tầng, kỹ thuật nghiệp vụ, đảm bảo an ninh an toàn. Phối hợp tập huấn nghiệp vụ cho cán	Đã tổ chức họp để triển khai; về pháp lý đã đảm bảo; C06 đã gửi tài liệu cho Sở TTTT, Sở Tư pháp ngày 27/01/2024 để nghiên cứu thực hiện. Bộ Công an và Bộ Tư pháp đã ban hành quy trình 9118 ngày 05/12/2023 để thực hiện. Hiện

TT	NHIỆM VỤ	KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC	KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	
			KIẾN NGHỊ	Ý KIẾN CỦA TỔ CÔNG TÁC ĐA06/CP, CÁC BỘ, NGÀNH
	TRÊN VNeID		bộ, công chức làm công tác lý lịch tư pháp. (2) Bộ Công an (C06), Bộ Tư pháp nghiên cứu, hoàn thiện quy trình trên cơ sở góp ý của Sở Tư pháp Hà Nội; hoàn thành trong tháng 3/2024. (3) Bộ Tư pháp cử đầu mối, lập Tổ hỗ trợ Thành phố trong quá trình triển khai thí điểm.	nay, C06, Bộ Tư pháp và Hà Nội tập trung triển khai và hoàn thành trước 30/4/2024; C06 đã cấp máy tính cho PV06 Hà Nội để thực hiện; đã cử đầu mối trực (Đ/c Đào Phan Khải -trưởng nhóm để thực hiện).
10	SỐ HÓA HỘ TỊCH	Một số Phòng Tư pháp (chuyên về hộ tịch nhưng không chuyên về công nghệ thông tin, ngân sách, đấu thầu) chưa phối hợp hiệu quả, kịp thời với Phòng Kế hoạch - Tài chính để tham mưu cho UBND cấp huyện thực hiện các thủ tục về công nghệ thông tin, ngân sách, đấu thầu để số hóa sổ hộ tịch.		
11	CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI	(1) Dữ liệu được cập nhật từ năm 2017, đến nay thông tin có sự sai lệch. (2) Dữ liệu nhà ở, công trình trên đất chưa được số hóa. (3) Số nhà, đường phố bị trùng lặp nhất ở các khu đô thị, khi tra cứu rất khó khăn.	(1) Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp, hướng dẫn nâng cấp phần mềm VILIS 2.0 hỗ trợ Dự án hồ sơ địa chính của Thành phố. (2) Bộ Xây dựng hướng dẫn quy chuẩn, định mức, đơn giá để số hóa dữ liệu nhà ở, công trình trên đất.	Nhất trí với đề xuất của Hà Nội; đề nghị Sở Văn hóa – thể thao và du lịch rà soát, đánh giá lại việc đánh số nhà; triển khai số hóa, làm sạch dữ liệu với dân cư (chọn thông tin số hóa phục vụ giải quyết TTHC, xác định rõ nguồn đầu vào/ra) và đưa vào kho dữ liệu tập trung, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân, hoàn thành trong tháng 4/2024.

TT	NHIỆM VỤ	KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC	KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	
			KIẾN NGHỊ	Ý KIẾN CỦA TỔ CÔNG TÁC ĐA06/CP, CÁC BỘ, NGÀNH
			(3) C06 – BCA: phối hợp trong việc làm sạch dữ liệu đất đai với dữ liệu dân cư.	
12	GIẢI PHÁP CHUẨN HÓA VIỆC ĐÁNH SỐ NHÀ	<i>* Về công tác đặt tên đường phố:</i> - Hà Nội đã nhiều lần có sự điều chỉnh địa giới hành chính và những thay đổi, bổ sung liên quan đến việc đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng (vườn hoa, công viên, quảng trường...). Tuy nhiên, cho đến nay vẫn còn một số vấn đề chưa hợp lý, bất cập, thiếu đồng bộ, nhất là trong việc đặt tên đường phố trong các khu đô thị mới, đường giao thông khu vực ngoại thành ven đô có tốc độ đô thị hóa cao...	(1) Đề nghị có hướng dẫn của Bộ Xây dựng trong công tác thu thập, cung cấp thông tin, địa chỉ, dữ liệu định danh vị trí nhà ở, công trình xây dựng tại đô thị và điểm dân cư nông thôn gắn với CSDLQG về dân cư. (2) Đề nghị Bộ Xây dựng đánh giá, sửa đổi các quy định tại Quyết định số 05/QĐ-BXD ngày 08/3/2006 về quy chế đánh số nhà và gắn biển số nhà. (3) Đề nghị Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch nghiên cứu, đánh giá, sửa đổi Nghị định số 91/2005/NĐ-CP quy định về Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng theo hướng đề xuất của Sở Văn hóa Thể Thao. <i>Hoàn thành trong tháng 5/2024.</i>	Nhất trí đề xuất Hà Nội, Thư ký Tổ công tác sẽ đôn đốc đơn vị chức năng của Bộ Xây dựng
13	TRIỂN KHAI THÍ	1. Quy định pháp lý (hiện đang chờ Nghị định ban hành)	(1) Đề nghị Văn phòng Chính phủ sớm hoàn thiện Nghị định để đảm bảo cơ sở pháp lý.	1. Hiện nay VPCP đang phối hợp với các đơn vị xây dựng Nghị định quy định 02 thủ tục hành

TT	NHIỆM VỤ	KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC	KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	
			KIẾN NGHỊ	Ý KIẾN CỦA TỔ CÔNG TÁC ĐA06/CP, CÁC BỘ, NGÀNH
	ĐIỂM 02 DỊCH VỤ CÔNG LIÊN THÔNG	2. Kết nối đồng bộ (lỗi lý thuật – các đầu mối hỗ trợ xử lý theo hồ sơ). 3. Xác định vai trò trách nhiệm của UBND cấp xã (đầu mối hỗ trợ và đôn đốc toàn bộ dịch vụ). 4. Các tính năng SMS, email.... 5. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến liên thông khai tử còn thấp do nhu cầu và tính tiện ích chưa thực sự phù hợp với thực tế 6. Tỷ lệ người dân thực hiện trực tuyến đối với thủ tục liên thông khai tử còn ít do: thủ tục này cần thực hiện ngay để đảm bảo việc hỏa táng hoặc mai táng theo thời gian gia đình lựa chọn; Việc đầy đủ các thành phần hồ sơ khai báo cần nhiều thời gian để thực hiện thông tin và cập nhật hồ sơ; Nhu cầu thực hiện liên thông 03 TT này chưa thực sự cấp bách đối với gia đình người mất.	(2) Tiếp tục đề xuất giải pháp các vấn đề kỹ thuật giữa các Hệ thống (đặc biệt việc kết nối để đảm bảo thông suốt giữa BTP với phần mềm liên thông và các phần mềm chuyên ngành). (3) Các Bộ chuyên ngành nâng cấp hệ thống phần mềm chuyên ngành đảm bảo việc thực hiện (4) Chỉ đạo thống nhất việc sử dụng Giấy chứng sinh, chứng tử điện tử trong thực hiện liên thông (hiện Thành phố đã đẩy được dữ liệu chứng sinh, chứng tử lên cổng BHXH nhưng việc khai thác, sử dụng trong DVC liên thông; với trường hợp đã có dữ liệu điện tử không phải đính kèm bản chụp GCS, GCT)) (5) Tiếp tục đề xuất quy trình theo hướng chuyển giao đầu mối cho công chức Bộ phận một cửa cấp xã (đảm bảo thực hiện quy trình liên thông có đầu mối xuyên suốt và thống nhất). (6) Tiếp tục hoàn thiện các tính năng đặc biệt tính năng SMS hoặc email cho người dân để đảm bảo qtr theo	chính liên thông. Dự kiến hoàn thành trong tháng 4/2024 2. Hiện nay, qua theo dõi đánh giá việc lỗi đồng bộ chủ yếu là do hệ thống của Bộ Tư pháp. Tổ công tác triển khai đề án 06 đã hợp với Bộ Tư pháp để khắc phục nội dung trên. Bộ Tư pháp đã nâng cấp máy chủ để hạn chế lỗi đồng bộ trên 3. Đối với nội dung vai trò của UBND cấp xã đã sửa đổi và đưa vào dự thảo Nghị định 02 dịch vụ công liên thông để thực hiện và sửa đổi phần mềm. 4. Đối với SMS về kỹ thuật phần mềm liên thông đã hoàn thành việc tích hợp, hiện tại còn liên quan đến vấn đề về kinh phí tin nhắn hiện nay đã được lãnh đạo bộ đồng ý. Dự kiến trong tháng 3 sẽ triển khai tin nhắn SMS 5. Đối với dịch vụ công liên thông khai tử liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau. Để tạo thuận lợi cho người dân phần mềm liên thông đã xây dựng thêm dịch vụ đối Đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú để người dân thực hiện. 6. Đề nghị Hà Nội triển khai điều chỉnh sử dụng các thông tin phục vụ giải quyết TTHC đã được đồng bộ API cho Hà Nội và các địa phương (ví dụ Bắc Giang đã triển khai tốt)

TT	NHIỆM VỤ	KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC	KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	
			KIẾN NGHỊ	Ý KIẾN CỦA TỔ CÔNG TÁC ĐA06/CP, CÁC BỘ, NGÀNH
			đổi, thông tin liên lạc giữa cơ quan HCNN với người dân. (7) Đề xuất theo hướng không coi quy trình khai tử – xóa đăng ký thường trú là 01 TTHC mà là việc thực hiện tự động trên cơ sở thông tin khai tử từ ngành Tư pháp chuyển đến CSDLQG về dân cư và thực hiện cập nhật; giảm lượng thông tin khai báo cũng như quy trình thực hiện. (9) Tách các quy trình và bổ sung các công cụ hỗ trợ như nộp phí, lệ phí, gửi email/SMS	
14	SỐ HÓA HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC	1. Vướng mắc cản tháo gỡ từ các quy định pháp lý liên quan 2. Xác định đúng trọng tâm thực hiện số hóa (tránh lãng phí; xác định nhu cầu và quy định về tái sử dụng; công nhận dữ liệu sau khi đã số hóa).	(1) Kiến nghị các Bộ, ngành sớm ban hành danh mục thành phần hồ sơ cần số hóa theo yêu cầu quản lý (điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư 01/2023/TT-VPCP) – Văn phòng Chính phủ đôn đốc. (2) Các quy định về việc tái sử dụng dữ liệu đã số hóa của các bộ, ngành chủ quản (giá trị của dữ liệu, thành phần hồ sơ đã số hóa – đưa vào các CSDL chuyên ngành. (3) Các bộ ngành thống nhất chủ trương thực hiện số hóa đối với dữ liệu chuyên ngành (Bộ, ngành làm	Văn phòng Chính phủ đánh giá và đề xuất xác định danh mục, thành phần hồ sơ thuộc trách nhiệm của từng Bộ, ngành và yêu cầu các Bộ, ngành có lộ trình thực hiện báo cáo Tổ Công tác. Hoàn thành trong tháng 3/2024.

TT	NHIỆM VỤ	KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC	KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	
			KIẾN NGHỊ	Ý KIẾN CỦA TỔ CÔNG TÁC ĐA06/CP, CÁC BỘ, NGÀNH
			tập trung như Bộ Tư pháp hay đưa ra các định dạng dữ liệu chung để các địa phương định hướng thực hiện). (4) Danh mục DVC trực tuyến thống nhất chung toàn quốc theo từng lĩnh vực (để xác định các thành phần hồ sơ tái sử dụng...) (5) Việc chia sẻ dữ liệu cần sự đồng bộ các hệ thống chuyên ngành với hệ thống địa phương và Cổng DVC Quốc gia (hiện còn 1 số Bộ ngành chưa thực hiện được các giải pháp đồng bộ : KHĐT, LĐTĐBXH; GTVT, Cổng DVC Quốc gia...) (6) Xem xét, sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 5 Thông tư 01/2023/TT-VPCP (hiện theo quy định tại Điều 5 TT 01/2023/TT-VPCP thì đối tượng thực hiện số hóa chỉ thuộc 03 trường hợp quy định tại khoản 1,2,3 Điều 5 – việc thuê doanh nghiệp thực hiện số hóa khác ngoài BCCI đối với việc số hóa tại Điều 25 Nghị định 45/2020/NĐ-CP kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực; trong khi đó đơn giá, định mức thuê dịch vụ BCCI chưa có	

TT	NHIỆM VỤ	KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC	KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	
			KIẾN NGHỊ	Ý KIẾN CỦA TỔ CÔNG TÁC ĐA06/CP, CÁC BỘ, NGÀNH
			(Bộ Thông tin và Truyền thông; Văn phòng Chính phủ)	
15	TẬP HUẤN ĐÀO TẠO TRÊN PHẦN MỀM MOOC	Hiện Sở TTTT đang triển khai theo chỉ đạo tại văn bản số 6106/BTTTT-CĐSQG về triển khai các khóa bồi dưỡng về CĐS trên nền tảng MOOC gồm các khóa học do Bộ TTTT trực tiếp tổ chức, bồi dưỡng, trong đó có nội dung đào tạo tập huấn về an toàn thông tin mạng. Do đó, Sở TTTT cần làm rõ nội dung nhiệm vụ trên để tránh trùng lặp, lãng phí, phù hợp chức năng, nhiệm vụ	Đề nghị Cục C06 làm rõ nội dung thắc mắc cho Sở TTTT. Cử đầu mối phối hợp chặt chẽ với Thành phố để hỗ trợ đào tạo qua MOOC.	Triển khai Đề án 06/CP, Bộ Công an phối hợp Đại học Bách Khoa Hà Nội cung cấp nền tảng giáo dục mở trực tuyến MOOC-EDTECH. Đây là 02 nền tảng đào tạo trực tuyến hỗ trợ cho cán bộ, công chức trong được tiếp cận với các nội dung đào tạo phục vụ chuyển đổi số. C06 đề xuất UBND TP Hà Nội: + Chỉ đạo phối hợp với C06 triển khai đào tạo trực tuyến cho cán bộ, công chức, viên chức về an ninh an toàn (C06 đã triển khai giáo trình đào tạo an ninh an toàn từ tháng 8/2023). + Ngoài ra, triển khai đào tạo trực tuyến các nội dung của Đề án 06 trên phần mềm MOOC để cắt giảm chi phí tập huấn truyền thống.
16	HẠ TẦNG TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN 06, CHUYỂN	1. Hệ thống giám sát (SOC): Sở đang tiến hành rà soát, đánh giá và đề xuất điều chỉnh Kế hoạch thuê dịch vụ CNTT đã được phê duyệt Quyết định số 288/QĐ-STTTT ngày 24/8/2021. Theo Kế hoạch, tiến độ triển khai hoàn thành đầu quý IV/2024 (đáp ứng tiến độ đề ra trong Kế hoạch số 57/KH-	Đề nghị Bộ Thông tin Truyền thông hướng Sở TTTT về mặt tiêu chuẩn kỹ thuật, khung kiến trúc,... trong quá trình thực hiện đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.	Hà Nội chỉ đạo Sở TTTT phối hợp chặt chẽ với Bộ TTTT. Bộ TTTT khẩn trương hỗ trợ UBND Hà Nội, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình triển khai hạ tầng phục vụ Đề án 06 và có báo cáo tiến độ hàng tuần, tháng về Tổ thường trực Đề án 06.

TT	NHIỆM VỤ	KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC	KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	
			KIẾN NGHỊ	Ý KIẾN CỦA TỔ CÔNG TÁC ĐA06/CP, CÁC BỘ, NGÀNH
	N ĐỔI SỐ	UBND ngày 08/02/2024 “Chuyển đổi số, xây dựng thành phố Hà Nội thông minh năm 2024). 2. Nền tảng tích hợp chia sẻ (LGSP): Hiện tại Nhà thầu VNPT đã triển khai xong các chức năng cơ bản của Hệ thống LGSP, tiến hành kết nối liên thông với Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP). Theo tiến độ Hệ thống sẽ vận hành chính thức cuối tháng 3/2024. 3. Trung tâm dữ liệu chính của Thành phố: Do các văn bản thi hành Luật đấu thầu ban hành muộn, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai đấu thầu thuê hạ tầng Trung tâm dữ liệu chính của Thành phố. Căn cứ quy định tại Nghị định số 24/2-24/NĐ-CP và Thông tư số 01/2024/TT-BKHĐT, Sở TTTT đang tiến hành các thủ tục tiếp theo để đấu thầu lựa chọn Nhà thầu cung cấp dịch vụ CNTT thuê hạ tầng Trung tâm dữ liệu chính của Thành phố, cụ thể: - Thẩm định giá gói thầu: Tư vấn đã có Chứng thư thẩm định giá vào ngày 28/02/2024. - Dự kiến tiến độ tiếp theo: Lập hồ sơ mời thầu (xong trước ngày 15/3), đăng thông tin mời thầu (16 – 18/3), đóng/mở thầu 08/4,		

TT	NHIỆM VỤ	KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC	KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	
			KIẾN NGHỊ	Ý KIẾN CỦA TỔ CÔNG TÁC ĐA06/CP, CÁC BỘ, NGÀNH
		đánh giá HSDT khoảng 10 ngày, xác định đơn vị trúng thầu, ký hợp đồng trong khoảng từ 18 – 25/4/2024. 4. Trung tâm chỉ đạo điều hành (IOC): Sở TTTT đang đi trao đổi kinh nghiệm một số tỉnh như TPHCM, Đà Nẵng, Huế (từ 4/3 đến 6/3). Trên cơ sở kết quả triển khai Đề án “<i>Xây dựng thành phố thông minh</i>”, Sở TTTT sẽ tập trung viết Đề án, dự kiến hoàn thành trong tháng 3/2024.		
17	ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM CÁN BỘ, CÔNG CHỨC TRONG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 06		(Hà Nội không có kiến nghị)	Đề nghị Hà Nội thực hiện và có báo cáo định kỳ hàng tuần, tháng về Tổ thường trực Đề án 06